

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 58

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 68 trong kinh).

Mục thứ năm- Bắt đầu từ Dạ thần Bà-san đến Cù-ba có mười Thiện hữu, nương vào phần vị Thập Địa, tức là phân làm mười đoạn.

Đoạn một: Dạ thần Bà-san Bà-diễn-để, Thiện hữu nương vào Hoan Hỷ Địa.

Kinh thành tên gọi Ca-tỳ-la, Trung Hoa nói là Hoàng Sắc, bởi vì xưa kia Tiên nhân Hoàng Đầu nương vào nơi này. Bởi vì màu vàng là màu sắc ở giữa, biểu thị phù hợp với Trung đạo. Lại bởi vì kinh thành này là nơi Đức Phật sinh ra, biểu thị cho Địa thứ nhất sinh trong nhà chư Phật.

Bà-san, Trung Hoa nói là Xuân. Bà-diễn-để, Trung Hoa nói là Chủ Đương. Bởi vì vào mùa Xuân, chủ yếu là gieo trồng hoa màu, nghĩa là hiển bày bắt đầu tiến vào Địa có thể sinh trưởng vạn hạnh, mà cứu giúp chúng sinh.

Địa thượng phần nhiều thấy ở Dạ thần, là bởi vì Chứng Tríhuyền diệu xen lẫn với nhau phá trừ u tối. Chín vị Thiên Thần sau, dựa theo bản tiếng Phạn đều là Nữ thần. Cù-ba cũng là người nữ, bởi vì Địa thượng chứng được Đồng Thể Từ Bi là hình dạng của người nữ.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai: 1- Dựa vào pháp trước đây mà tu chứng; 2- Từ “Tiệm thứ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau.

Trong mục 2, có hai: a- Thời gian và nơi chốn đi đến: Đi vào từ cửa phía Đông, là bởi vì bắt đầu mở bày sáng tỏ, hiển bày về bắt đầu tiến vào chứng đạt. Nhìn thấy mặt trời lặn, là bởi vì Dạ thần, biểu thị cho phân biệt nhìn thấy mặt trời đều đã không còn. b- Từ “Tâm niệm...” trở xuống là sinh tâm khao khát ngưỡng mộ.

Mục hai- Từ “Tác thị niệm thời...” trở xuống là trình bày về gặp

gõ rồi cung kính thưa hỏi, trong đó có hai:

Mục 1- Nhìn thấy Y-Chánh của Thiện hữu: Thấy ở giữa hư không, kinh thành biểu thị cho Giáo Đạo, hư không biểu thị cho Chứng Đạo, Tông chỉ và Thuyết giảng đều thông suốt, như mặt trời ở giữa hư không. Mặc áo đỏ, là Chứng Trí rõ ràng sáng tỏ, pháp môn tinh tượng không lìa xa Thể Như của một thân, tác dụng hóa sinh không lìa xa tánh của một mảy lông.

Mục 2- Từ “Thiện Tài Đồng tử kiến văn...” trở xuống là lễ chào cung kính thưa hỏi.

Trong mục ba- Từ “Thời bỉ Dạ thần...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, có hai: 1- Khen ngợi; 2- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình.

Trong mục 2 có ba: a- Nêu lên tên gọi và Thể; b- Hiển bày về nghiệp dụng; c- Đạt được pháp xa-gần.

Mục a- Nêu lên tên gọi và Thể: Tất cả chúng sinh si mê tăm tối, tức là hai Ngu đã phá trừ. Ánh sáng của pháp, tức là hai Trí vô ngã có thể phá trừ. Lại phá trừ tăm tối của chúng sinh là Bi, ánh sáng của pháp là Trí, là Bi-Trí đầy đủ.

Trong mục b- Từ “Ngã ư ác tuệ...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, có hai: Trước là Trường hàng, sau là Kệ tụng.

Trong Trường hàng có hai tiết: Một- Phát khởi tâm cứu giúp chúng sinh; Hai- Từ “Ngã ư dạ ám...” trở xuống là chính thức trình bày về đầu nhiếp cứu giúp đối với duyên, trong đó có mười môn: Đầu là một môn tổng quát trình bày; từ “Vi hải nạn...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Một môn đầu là tổng quát, có bốn loại: 1- Đem tối... là thời gian cứu giúp; 2- Biển khơi... là nơi chốn cứu giúp; 3- Gặp phải trộm cắp... là thụ động cứu giúp; 4- Đủ loại phương tiện là chủ động cứu giúp.

Trong chín môn sau là riêng biệt hiển bày, văn đều có hai: Trước là cứu giúp nỗi khổ của thế gian khiến cho có được niềm vui của thế gian; sau là dùng Đại Nguyện để hồi hướng, khiến cho hoàn toàn lìa xa nỗi khổ-có được niềm vui.

Trong chín môn: 1- Cứu giúp chúng sinh gặp nạn ở biển khơi. 2- Từ “Vị tại lục địa...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh ở đất liền. 3- Từ “Nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh mong cầu không đạt được và đi giữa núi rừng nguy hiểm. 4- Cứu giúp chúng sinh vui thích quốc độ. 5- Cứu giúp chúng sinh đằm theo làng xóm. 6- Cứu giúp chúng sinh trong đêm dài tăm tối. 7- Từ “Thị chư chúng sinh vô hữu trí...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh trong nghiệp-phiền não. 8-

Từ “Hoặc bệnh sở triển...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh trong tám nỗi khổ. 9- Từ “Nhập kiến trừ lâm...” trở xuống là cứu giúp chúng sinh trong ác kiến. Văn đều rõ ràng có thể biết.

Trong Kệ tụng có hai mươi một tụng phân bốn: 1- Một kệ đầu, tụng về tên gọi và Thể của Pháp môn; 2- Có bốn kệ, tụng nêu ra Nhân khuyến khích tu tập, tức là bốn Vô lượng; 3- Có mười kệ, tụng hiển bày về Quả khiến cho tiến vào, tức là sáu Xứ thù thắng; 4- Có sáu kệ, tụng trình bày về nghiệp dụng rộng lớn.

Trong mục c- Đạt được pháp xa-gần: Trước là đưa ra hai câu hỏi, sau là trở lại giải đáp hai câu hỏi.

Trong giải đáp có hai tiết: Một- Giải đáp về thời gian phát tâm; Hai- Giải đáp về đạt được pháp xa-gần.

Tiết một- Giải đáp về thời gian phát tâm, có sáu: 1- Tổng quát hiển bày về Nhân duyên-Bổn sự; 2- Từ “Thời bỉ thành Đông...” trở xuống là trình bày về Đức Phật đầu tiên xuất hiện ở thế gian; 3- Từ “Liên Hoa thành nội...” trở xuống là Thiện hữu khuyến khích phát tâm; 4- Từ “Linh Vương phu nhân...” trở xuống là chính thức phát khởi Đại tâm; 5- Từ “Thời Vương phu nhân...” trở xuống là kết hợp với xưa và nay; 6- Từ “Ngã ư bỉ Phật...” trở xuống là phát tâm thành tựu lợi ích.

Tiết hai- Từ “Quá thử kiếp dĩ...” trở xuống là giải đáp về đạt được pháp xa-gần, trong đó có hai: 1- Tổng quát hiển bày về nhân duyên đạt được pháp; 2- Từ “Ngã tài kiến Phật...” trở xuống là chính thức trình bày về đạt được pháp.

Trong tiết 2 có ba: a- Đạt được Tam-muội phương tiện, nghĩa là trên được thấy chư Phật, dưới giáo hóa chúng sinh; b- Từ “Dĩ văn pháp cố...” trở xuống là đạt được pháp giải thoát này; c- Từ “Đắc thử giải thoát dĩ...” trở xuống là mở rộng hiển bày về nghiệp dụng.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau:

Nói bên trong Bồ-đề tràng, là nhất định không có sai lầm vi phạm, bởi vì phù hợp với Lý, Lý tức là Bồ-đề tràng.

Thiện hữu tên gọi Phổ Đức, là pháp giới thù thắng nhất mà tất cả các đức đều đầy đủ.

Tịnh Quang, là Chánh Trí chứng thực tiến vào mà lìa xa cấu nhiễm của sai lầm vi phạm, tức là Tịnh Nguyệt trước đây, cho nên nói là căn bản thuận theo phát tâm.

Mục sáu- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, trong đó có hai: 1- Dùng kệ ca ngợi bày tỏ sâu sắc

về lưu luyện đức hạnh, có mười kệ phân bốn: a- Có bốn kệ, ca ngợi về thân tâm siêu việt thù thắng; b- Có ba kệ, trình bày về Đại Dụng không có giới hạn; c- Có hai kệ, làm lợi ích cho chúng sinh không hư rỗng; d- Có một kệ, kết luận về đức Vô tận. 2- Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là lễ chào từ già rút lui.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 69 trong kinh).

Đoạn hai: Dạ thần Phổ Đức Tịnh Quang, Thiện hữu nương vào Ly Cấu Địa.

Nghĩa của Thiện Hữu giải thích như trước đây, văn thì đầy đủ sáu mục, mà phân làm bốn: Một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu; Hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi; Ba- Khen ngợi trao cho pháp; bốn-Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Nghĩ đến pháp môn trước đây, có mười một câu: Đầu là một câu nghĩ đến phát tâm, mười câu còn lại là nghĩ đến đạt được pháp.

Mục hai- Từ “Đảnh lễ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi.

Mục ba- Từ “Dạ thần đáp...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp: 1- Khen ngợi; 2- Trao cho pháp.

Trong mục 2- Trao cho pháp có hai: Trước là Trường hàng, sau là Kệ tụng.

Trong Trường hàng có ba tiết: Một- Chính thức trao cho pháp môn; Hai- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến; Ba- Chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Trong tiết một- Chính thức trao cho pháp môn, có hai: 1- Tổng quát giải đáp về những điều thưa hỏi; 2- Riêng biệt nêu ra pháp môn của mình.

Tiết 1- Tổng quát giải đáp về những điều thưa hỏi, có nêu lên-đưa ra-giải thích và kết luận. Trong giải thích có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Ba-Ánh sáng của Trí và Pháp; bốn-Phát ra ánh sáng làm lợi ích; năm-Ánh sáng thường xuyên phát ra ngọn lửa; còn lại có thể biết.

Tiết 2- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là riêng biệt nêu ra pháp môn của mình, trong đó có hai:

Tiết a-Nêu lên tên gọi và Thể, nghĩa là phù hợp với Lý, không có đấm theo là Tịch tĩnh, Chỉ-Quán cùng vận dụng là Thiên định, trú trong niềm vui Chánh pháp là Lạc, Đại Dụng không có giới hạn là đạo bước khắp nơi.

Tiết b- Từ “Phổ kiến tam thế...” trở xuống là mở rộng hiển bày về nghiệp dụng, trong đó có bốn chi tiết: Một- Trình bày về Thiền như thật dựa theo duyên, giống như Thiền thanh tịnh của Như Lai, tức là nghiệp dụng của Tịch tĩnh. Hai- Thiền trú trong niềm vui của pháp hiện tại (Hiện pháp lạc trú), tức là nghiệp dụng của Định. Ba- Trình bày về Thiền dẫn dắt phát sinh công đức. Bốn- Thiền làm lợi ích cho hữu tình. Hai loại ba-bốn tức là nghiệp dụng của đạo bước khắp nơi.

Chi tiết một- Trình bày về Thiền như thật dựa theo duyên, trong văn có nêu lên-đưa ra và giải thích.

Nêu lên: Bởi vì được thấy Phật không có đắm theo, cho nên Tịch tĩnh.

Giải thích rằng: Sở dĩ không có đắm theo, là bởi vì hiểu rõ cùng tận Thể tánh của Như Lai. Văn có Thập Phi, trên đại thể giống với Bát Bất của Trung Luận, nghĩa là Bất khứ-Bất lai-Bất sinh-Bất diệt, Phi thật-Phi vọng tức là Bất thường, Phi thiên-Phi hoại tức là Bất đoạn, Nhất tướng tức là Phi dị, Vô tướng cũng là Phi nhất.

Chi tiết hai- Từ “Thiện nam tử, ngã như thị liễu...” trở xuống là trình bày về Thiền trú trong niềm vui của pháp hiện tại: 1- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; 2- Từ “Tư duy...” trở xuống là chính thức hiển bày về bốn Thiền.

Trong Thiền thứ nhất- Đầu là tư duy quán sát tức là Tầm-Tứ, thuộc về chi Đối trị, trang nghiêm kiên cố hãy còn là tướng của Tầm-Tứ. Tiếp là không khởi lên tất cả vọng tưởng phân biệt, tức là chướng đã lìa xa, nhưng Thiền thế gian chỉ lìa xa Dục-Ác-Bất thiện, nay Nhất thừa sâu xa vì diệu cho nên lìa xa tất cả vọng tưởng. Tiếp là Đại Bi cứu giúp che chở tất cả chúng sinh, tức là chi Lợi ích, nghĩa là lìa xa lo buồn của mình mà nghĩ đến lo buồn của chúng sinh, cho nên sinh tâm Hỷ lạc. Sau từ “Nhất tâm...” trở xuống tức là chi Sở y, nghĩa là hai nơi nương tựa của Thiền thứ nhất.

Trong Thiền thứ hai- Đầu là dừng lại tất cả ý nghiệp, tức là diệt mất Giác-Quán. Tiếp là thâm nhiếp tất cả chúng sinh, là Trí lực dừng mãnh của Nhất tâm, là bên trong thanh tịnh không có Giác-không có Quán. Tiếp là tâm Hỷ làm cho vui vẻ, là Định sinh hỷ lạc. Tu về Thiền thứ hai tức là hai nơi nương tựa của Thiền thứ hai. Thiền thứ ba-thứ tư sau này dựa theo đây.

Trong Thiền thứ ba- Đầu là tư duy về tự tánh của tất cả chúng sinh, tức là hai chi Xả-Niệm, nghĩa là rời bỏ tâm Hỷ thuộc về thâm nhiếp chúng sinh trước đây, ở trong chi Xả này mà không mất đi ý niệm. Chán

ngán lia xa sinh tử, tức là hai chi Tuệ-Lạc, nghĩa là nhận biết đúng đắn về sinh tử không đáng vui thích. Vì vậy chán ngán lia xa thì đạt được niềm vui vắng lặng chân thật.

Trong Thiên thứ tư- Hai câu bao gồm đầy đủ ba Chi, nghĩa là Khổ-Hỷ-Uưu-Lạc đều là những nỗi khổ bức bách phiền muộn, bởi vì ở trong nỗi khổ ít hơn bất ngờ nảy sinh vui thích. Bốn Thọ đều không còn, cho nên nói là tất cả có thể chấm dứt, tức là Xả Niệm thanh tịnh. Đã không có Khổ-Lạc, thì chính là Thọ ở mức trung bình.

Chi tiết ba- Từ “Tăng trưởng viên mãn...” trở xuống là Thiên dẫn dắt phát sinh công đức: Du hý thân thông tức là nghĩa của đạo bước khắp nơi.

Trên đây đều dựa theo Nhất thừa, bởi vì khác với Địa thứ ba nương vào pháp, cho đến nói rằng tiến vào tất cả pháp giới.

Chi tiết bốn- Từ “Thiện nam tử, ngã tu thử...” trở xuống là trình bày về Thiên làm lợi ích cho hữu tình: Đủ loại phương tiện không có gì không làm lợi ích, cũng là nghĩa của đạo bước khắp nơi. Trong văn có ba: 1- Khiến cho tu pháp quán như Tứ niệm xứ...; 2- Từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về làm nhân duyên của Đạo; 3- Từ “Phục thứ...” trở xuống là khiến cho tu tập về Tứ chánh đoạn.

Tiết hai- Từ “Ngã duy...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến.

Tiết ba- Từ “Khứ thử bất viễn...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Cách nơi này không xa, là bởi vì cùng nương vào thế gian.

Ở bên phải Bồ-đề tràng là dựa vào Lý phát ra ánh sáng thì nghĩa dễ dàng hiểu được.

Hỷ Mục Quán Sát, là nhẫn chịu pháp ác mà nhìn chúng sinh cho nên nói là Hỷ Mục, phát ra ánh sáng của Văn trì cho nên nói là Quán Sát.

Trong Kệ tụng, có mười ba kệ phân ba tiết: 1- Có mười kệ, tụng phần chính thức trao cho pháp môn; 2- Có hai kệ, tụng phần khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến; 3- Có một kệ, tụng phần chỉ ra vị Thiện hữu sau.

Trong tiết 1- Tụng về mười pháp trước đây, văn có phần không theo thứ tự: Bốn kệ đầu như thứ tự tụng về bốn pháp trước đây, kệ năm vượt lên trên tụng về pháp thứ bảy, kệ sáu tụng về pháp thứ sáu, kệ bảy lùi lại tụng về pháp thứ năm, kệ tám tụng về pháp thứ mười, kệ chín tụng về pháp thứ tám, kệ mười tụng về pháp thứ chín.

Mục bốn- Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

Đoạn ba: Dạ thần Hỷ Mục Quán Sát Chúng Sinh, Thiện hữu nương vào Phát Quang Địa. Văn có đủ sáu mục.

Trong mục một-Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, có hai:

Mục 1- Y theo lời dạy của Thiện hữu trước đây, nghĩ đến Thiện hữu thành tựu lợi ích.

Mục 2- Từ “Tác thị niệm dĩ...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện Hữu tiếp sau, được Thiện hữu gia trì, trong đó có bốn mục:

Mục a- Mong muốn hướng đến Thiện hữu tiếp sau.

Mục b- Từ “Thời Hỷ Mục thân...” trở xuống là được Thiện hữu gia trì, nghĩa là gia hộ khiến cho nhận biết lợi ích về gần gũi Thiện hữu.

Mục c- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử cự phát...” trở xuống là do gia hộ mà thành tựu lợi ích, nghĩa là dựa vào chủ động gia hộ trước đây mà khởi lên ý niệm, như thứ tự dùng mười câu này hướng về mười câu trước đây.

Mục d- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là chính thức trình bày về hướng đến phần vị sau.

Trong mục hai- Từ “Kiến bỉ...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, chỉ tóm lược trình bày về nhìn thấy đã hàm chứa cung kính thưa hỏi.

Mục ba- Từ “Nhập Phổ Hỷ tràng...” trở xuống là chỉ ra pháp giới của mình, nghĩa là cách xa để chỉ ra tướng, nghĩa thích hợp là giải đáp câu hỏi, trong đó có ba: 1- Nêu lên tên gọi và Thể; 2- Hiện bày về nghiệp dụng; 3- Đưa ra nguyên cớ.

Mục 1- Nêu lên tên gọi và Thể: Tất cả đều thâm nhiếp làm cho khuất phục là Đại uy lực, phù hợp với tất cả căn cơ cho nên nói là Phổ Hỷ, phá diệt làm cho khuất phục cao xa rõ ràng cho nên gọi là Tràng.

Mục 2- Từ “Ưu kỳ thân thượng...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng, trong đó có ba: a- Hiện bày về Dụng không có giới hạn; b- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài kiến văn...” trở xuống là nhìn thấy Dụng đạt được lợi ích; c- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài đắc thú...” trở xuống là mừng với lợi ích mà ca ngợi.

Trong mục a- Hiện bày về Dụng không có giới hạn, nghĩa là bởi vì lỗ chân lông của vô số thân (Thân vân) không có cùng tận, trong đó có hai tiết: Một- Thân hiện ra thân thông thuyết giảng về tu hành; Hai- Từ “Phục ư nhất nhất chư mao khổng...” trở xuống là thân hiện ra diễn thuyết về Bốn hạnh.

Trong tiết một có ba: 1- Tổng quát nêu lên, cũng là giải thích tên

gọi. 2- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mười Độ, như thứ tự mười Độ đều có “Hựu xuất” dùng để chọn ra sai khác, ý nghĩa sâu xa trong đó như Lý nên suy nghĩ! 3- Từ “Như thuyết Bồ-tát chư Ba-la-mật...” trở xuống là tương tự nối thông với những pháp khác. Đủ loại pháp thực hành là Thần thông, hóa độ chúng sinh, Bồ-đề phần...

Trong tiết hai là thân hiện ra diễn thuyết về Bốn hạnh, có bốn: 1- Hiện ra thân chủ động thuyết giảng; 2- Từ “Ưu bĩ nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là trình bày về âm thanh diễn pháp; 3- Từ “Dĩ như thị đẳng thanh...” trở xuống là hiển bày về pháp đã thuyết giảng; 4- Từ “Như thị thuyết thời...” trở xuống là làm sáng tỏ về lợi ích của thuyết giảng.

Hai tiết trước và một tiết sau, có thể biết.

Trong tiết 3 là pháp đã thuyết giảng, có hai: a- Thuyết giảng về pháp thực hành thuộc mười Độ của Bốn hạnh; b- Từ “Hựu thuyết...” trở xuống là tương tự nối thông với những pháp thực hành khác.

Tiết a- Trong Nhân Độ: Gây ra điều ác thuộc về thân, nói ra điều ác thuộc về miệng.

Trong Thiên Độ có sáu câu: 1- Tên gọi và Thể; 2- Duyên giúp đỡ; 3- Thành tựu tu tập; 4- Đạt được kết quả; 5- Đối trị chướng ngại; 6- Khởi Dụng.

Năm Độ sau, câu tuy nhiều ít mà dựa theo đây có thể biết.

Trong Bát-nhã Độ: Mặt trời dựa theo phá tan u tối, mây dựa theo diễn thuyết về pháp, Tạng hiển bày về hàm chứa đầy đủ.

Trong Phương tiện Độ: Thể tánh bao gồm Sự-Lý, Lý thú nghĩa là Ý thú.

Trong tiết b là tương tự nối thông với những pháp thực hành khác, đầy đủ bốn hạnh của Bồ-tát, suy nghĩ điều này!

Mục b là nhìn thấy Dụng đạt được lợi ích, tức là chứng thực tiến vào pháp giới, trong đó có ba tiết: Một- Hiển bày về nhân duyên chứng thực tiến vào; Hai- Từ “Tắc đắc...” trở xuống là chính thức trình bày về chứng thực tiến vào; Ba- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích nguyên cố.

Trong mục c là mừng với lợi ích mà ca ngợi, có mười kệ phân bốn: Đầu là một kệ về hiện rõ nhân của thuyết giảng; tiếp là một kệ về hiện rõ ý của thuyết giảng; tiếp là sáu kệ về hiện rõ Thể-Tướng thuyết giảng, đều là Dụng ngay nơi Tịch; sau là hai kệ tổng quát kết luận về hiện rõ thuyết giảng không có gì ngăn ngại.

Mục 3- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là trình bày về đưa ra nguyên cố, trong đó: a- Đưa ra hai câu hỏi; b- Giải đáp đầy đủ hai

câu hỏi, trong đó: Trước là dùng kệ giải đáp; sau là kết hợp với xưa và nay.

Trong tiết trước- Dùng kệ giải đáp, toàn bộ có chín mươi mốt kệ, phân hai: Bảy mươi chín kệ trước là giải đáp về phát tâm xa-gần, mười hai kệ sau là giải đáp về thời gian đạt được pháp.

Trong bảy mươi chín kệ trước có mười lần “Lại nữa” (Phục thứ):

Một: Trong kiếp Tịch Tĩnh Âm, chính là lúc phát tâm, có ba mươi mốt kệ phân sáu: 1- Có một kệ tổng quát nêu lên; 2- Có tám kệ hiển bày về Bốn sinh; 3- Có mười kệ trình bày về Bốn sự của phát tâm; 4- Có một kệ chính thức hiển bày về phát tâm; 5- Có sáu kệ trình bày về đức sau khi phát tâm; 6- Có năm kệ chuyển sang gặp được Đức Phật khác. Chưa đạt được Tuệ nhãn, là bởi vì chưa đạt được Chánh Tuệ Minh thuộc về Thập Giải.

Hai: Trong kiếp Thiên Thắng, có bốn kệ rười. Không có mà chấp làm có, bởi vì chưa hiểu rõ tự tánh ngay nơi tâm. Tám kiếp còn lại, số kệ có thể biết.

Ba: Trong kiếp Phạm Quang Minh, chưa có thể hiểu rõ về pháp, bởi vì chưa hiểu rõ pháp thực hành chân thật thuộc về Thập Hạnh.

Bốn: Trong kiếp Công Đức Nguyệt, bởi vì chưa đạt được Trí sâu xa hồi hướng khéo léo hướng đến biển của Trí Phật.

Năm: Trong kiếp Tịch Tĩnh Tuệ, bởi vì chưa đạt được pháp thanh tịnh của Chân Như thuộc về hai Không của Địa thượng.

Sáu: Trong kiếp Thiện Xuất Hiện, bởi vì chưa làm thanh tịnh chướng ngại của Tu đạo.

Bảy: Trong kiếp Tập Kiên Cố Vương, chưa đạt được Nhẫn tùy thuận sâu xa thuộc về duyên sinh của Địa thứ sáu.

Tám: Trong kiếp Diệu Thắng Chủ, tu về Đạo tối thắng, bởi vì Bát-nhã của Địa thứ sáu là Đạo thù thắng.

Chín: Trong kiếp Thiên Công Đức, bởi vì chưa đạt được Vô sinh nhẫn thanh tịnh của Địa thứ tám.

Mười: Trong kiếp Vô Trước Trang Nghiêm, có bốn kệ rười, chỉ nói cứng đờng là bởi vì sau khi trình bày về đạt được pháp.

Lại theo thứ tự trước đây đều nói là chưa đạt được ở những kiếp sau nhưng đã đạt được ở những kiếp trước đó, suy nghĩ điều này! Cũng có thể kiếp đầu đã đạt được Địa thứ nhất mà chưa đạt được Địa thứ hai, cho đến Địa thứ chín chưa đạt được Địa thứ mười, trong kiếp thứ mười mới được viên mãn, bởi vì tên gọi của kiếp ấy cũng thuận với nghĩa của Địa, như vẫn suy nghĩ điều này!

Trong mười hai kệ sau từ “Thứ hữu Phật xuất hiện danh vi Công Đức Trạng...” trở xuống là giải đáp về thời gian đạt được pháp, tức là đạt được pháp này ở kiếp Vô Trước trước đây, trong đó có hai:

Một: Bốn kệ đầu là đạt được ba Địa tùy ý vận dụng tự nhiên (Vô công dụng), nghĩa là Địa thứ tám không dựa vào Đại Nguyện, Địa thứ chín là Diệt Định-Tổng Trì, Địa thứ mười thành tựu Lực của Như Lai.

Hai: Tám kệ sau là kết luận thành tựu phần vị thuộc về Hạnh Phổ Hiền, trong đó có ba: 1- Có bốn kệ rưỡi nhắc lại thời gian bắt đầu phát khởi Đại tâm; 2- Có hai kệ rưỡi trình bày thời gian cuối cùng thành tựu về đức; 3- Một kệ tổng quát kết luận về viên mãn, bởi vì nhân-quả viên dung, trước-sau bao gồm đầy đủ, mà tiến vào Đạo của Phổ Hiền.

Tiếp sau là kết hợp với xưa và nay, có thể biết.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, văn hiển bày có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau: Cùng ở phần vị Chứng, cho nên nói là ở trong Hội này. Khởi hạnh Tinh tiến là bởi vì cứu giúp tất cả chúng sinh, ngọn lửa Trí cát tường gọi là Diệu Đức.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 70 trong kinh).

Đoạn bốn: Dạ thần Phổ Cứu Chúng Sinh Diệu Đức, Thiện hữu nương vào Diệm Tuệ Địa. Văn chỉ có năm mục, bởi vì mục hai và mục ba hợp lại.

Trong mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Trước là tu tập tiến vào pháp giới trước đây; sau từ “Nhất tâm nguyện đắc...” trở xuống là hướng đến mong cầu Thiện hữu tiếp sau.

Mục hai- Từ “Thời bỉ Dạ thần...” trở xuống là nghe và thấy pháp giới, tức là kết hợp mục hai và mục ba, nghĩa là dựa theo Thiện Tài thì chính là gặp gỡ cung kính, nếu dựa theo Dạ thần đã hiện rõ thì chính là nghiệp dụng của giải thoát, chính là im lặng trao cho pháp giới. Nếu dựa theo hai văn tách biệt để phân rõ thì trước là trình bày về gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, sau là giải đáp về nhân duyên, mới là chính thức trao cho pháp giới.

Nay dựa vào kết hợp phân tích, tổng quát phân làm bốn: 1- Hiện rõ ánh sáng gia trì; 2- Nhờ vào ánh sáng mà đạt được lợi ích; 3- Ba nghiệp cung kính ca ngợi; 4- Thưa hỏi giải đáp về nhân duyên.

Mục 1- Hiện rõ ánh sáng gia trì: Điều phục chúng sinh khiến cho giải thoát, tức là chỗ dựa của ánh sáng, là pháp môn của Dạ thần. Tên gọi và *Thể, có thể biết.*

Mục 2- Từ “Thiện Tài nhĩ thời...” trở xuống là nhờ vào ánh sáng mà đạt được lợi ích, nghĩa là đạt được Tam-muội mà nhìn thấy Đại Dụng, trong đó có hai:

Mục a- Đạt được Định, nghĩa là ba nghiệp-sáu căn đều lìa xa chướng ngại, cho nên nói là hoàn toàn thanh tịnh, tức là Trí thanh tịnh viên mãn. Bởi vì phá tan chướng ngại là Luân, cho nên đã nhìn thấy không có gì ngăn ngại.

Mục b- Từ “Đắc thử...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy Đại Dụng, trong đó có hai tiết: Một- Nhìn thấy nơi nương tựa của Dụng; Hai- Từ “Nhất nhất trần trung...” trở xuống là trình bày về những sự việc đã nhìn thấy.

Trong tiết hai có ba: 1- Nơi chốn đã giáo hóa; 2- Lợi ích có thể giáo hóa; 3- Ý nghĩa đã giáo hóa.

Trong tiết 1 có hai: a- Tổng quát trình bày về nơi chốn và chủng loại; b- Từ “Hựu kiến...” trở xuống là riêng biệt trình bày về quốc độ trong mảy trần. Nẻo tạp ược..., là bởi vì chuyển biến hướng về nhiễm-tịnh. Tạp nhiễm-thanh tịnh, là bởi vì nhiều tạp nhiễm. Câu sau trái với câu này. Luôn luôn thanh tịnh, là bởi vì so sánh với hai câu trên. Hai câu đầu chính là tổng quát trình bày.

Tiết 2- Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là trình bày về lợi ích có thể giáo hóa, cũng có hai: a- Tổng quát trình bày; b- Từ “Linh địa ngục...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, trong đó trước là giáo hóa năm đường, sau từ “Hựu kiến nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là trình bày về chín loại giáo hóa.

Trong tiết 3- Từ “Vị thành tựu...” trở xuống là trình bày về ý nghĩa giáo hóa, vì thành tựu các pháp bao gồm có thể giáo hóa và đã giáo hóa.

Trong mục 3- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử kiến thử...” trở xuống là ba nghiệp cung kính ca ngợi, có ba: a- Thân tâm kính trọng; b- Từ “Thời bỉ Dạ thần...” trở xuống là hiển bày về sự tự tại của Thiện hữu; c- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là miệng dùng kệ ca ngợi.

Có hai mươi kệ rưỡi, phân hai: Kệ đầu là tổng quát, kệ còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt có hai: Đầu là chín kệ rưỡi trình bày về Dụng của ánh sáng không có giới hạn. Sau từ “Ngã thừa...” trở xuống là thuật rõ nhờ vào ánh sáng mà đạt được lợi ích, trong đó có ba: Nửa kệ đầu là suy ra công lao thuộc về gốc; hai kệ rưỡi tiếp là thuật rõ đạt được Tam-muội; bảy kệ còn lại là thuật rõ về nhìn thấy Đại Dụng.

Trong mục 4- Thưa hỏi giải đáp về nhân duyên, có hai: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục a- Thưa hỏi gồm ba tiết: Một- Thưa hỏi về tên gọi, trước đây nêu lên tên gọi là do người kết tập kinh pháp nói ra, ở đây mới thưa hỏi. Hai- Thưa hỏi về đạt được pháp xa-gần, bởi vì muốn hiển bày về tu tập lâu dài-công đức cao xa. Ba- Thưa hỏi về nhân tu tập để đối trị làm cho thanh tịnh, bởi vì mong cầu con đường tiến vào.

Trong mục b từ “Dạ thần ngôn...” trở xuống là giải đáp, có hai tiết: Một- Ca ngợi sâu xa khó thuyết giảng; Hai- Từ “Ngã thừa...” trở xuống là nương theo uy lực để thuyết giảng.

Tiết một- Ca ngợi sâu xa khó thuyết giảng: Tương sâu xa như thế nào? Nếu dựa theo thời gian đạt được, thì thời gian lâu xa mà không phải là xa-gần. Nếu dựa theo nhân tu tập thì nhân thực hành rộng lớn. Nếu bao gồm hai loại trên thì phù hợp với Lý sâu xa. Nếu dựa theo tên gọi mà nói thì tên gọi giống như Thể-Dụng, tên gọi là khách Thật, mà khó cùng tận về Thật, vẫn có nêu lên và đưa ra giải thích, có thể biết.

Trong tiết hai là nương theo uy lực để thuyết giảng, có hai: Trước là Trường hàng, sau là Kệ tụng.

Trước là trong Trường hàng có hai tiết: Trước là nêu lên nhận lời; sau từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức thuyết giảng.

Trong tiết sau là chính thức thuyết giảng, có hai: 1- Tổng quát giải đáp về ba câu hỏi; 2- Riêng biệt giải đáp câu hỏi về tu hành đối trị làm cho thanh tịnh.

Tiết 1- Tổng quát giải đáp về ba câu hỏi, phân ba: a-Giải đáp về đạt được pháp xa-gần; b-Trình bày về lúc bắt đầu phát tâm; c-Kết hợp với xưa và nay.

Tiết a- Giải đáp về đạt được pháp xa-gần, có mười chi tiết:

Chi tiết một- Tổng quát nêu ra kiếp-quốc độ và chư Phật xuất hiện, đã tóm lược giải đáp về đạt được pháp xa-gần.

Chi tiết hai- Từ “Kỳ Phật thế giới...” trở xuống là tổng quát hiển bày về tướng của quốc độ.

Chi tiết ba- Từ “Thử giới Đông tể...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nơi sinh.

Chi tiết bốn- Từ “Hữu Chuyển Luân Vương...” trở xuống là trình bày về cha mẹ ở đời quá khứ.

Chi tiết năm- Từ “Kỳ hữu nhất nữ...” trở xuống là trình bày về thân ở đời quá khứ.

Chi tiết sáu- Từ “Nhĩ thời chúng sinh...” trở xuống là chúng sinh

dấy khởi điều ác là nhân xuất hiện của Phật.

Chi tiết bảy- Từ “Thời bỉ thành Bắc...” trở xuống là Đức Phật xuất thế làm lợi ích chúng sinh.

Chi tiết tám- Từ “Thời Phổ Hiền...” trở xuống là trình bày về vị Thiện hữu dẫn dắt.

Chi tiết chín- Từ “Thời Chuyển Luân Vương nữ...” trở xuống là trình bày về đức hạnh và nhân tu tập của người nữ.

Chi tiết mười- Từ “Phổ Trí Bảo Diệm...” trở xuống là nghe kinh được lợi ích.

Sáu chi tiết trước có thể biết.

Ngay trong chi tiết bảy là Đức Phật xuất thế làm lợi ích chúng sinh, có ba chi tiết: 1- Trình bày về nơi đạt được Đạo; 2- Từ “Tu-di sơn...” trở xuống là tổng quát hiển bày về số lượng chư Phật; 3- Từ “Kỳ đệ nhất...” trở xuống là riêng biệt trình bày về Đức Phật thứ nhất.

Trong chi tiết 3 có bảy chi tiết nhỏ:

Một: Tổng quát trình bày về Thành Đạo.

Hai: Từ “Kỳ bỉ Như Lai...” trở xuống là tướng trước khi Thành Đạo, nghĩa là phát ra ánh sáng điều phục căn cơ, có mười một lớp, trong mỗi một lớp đều có thành tựu lợi ích thuộc về nghiệp dụng của ánh sáng. Dùng lợi ích so sánh với tên gọi có thể dựa theo suy nghĩ. Nếu dựa theo pháp để biểu thị, thì mười lớp trước là ánh sáng của mười Độ theo thứ tự, một lớp sau là ánh sáng của mười Độ thuộc về viên dung, dùng ánh sáng này soi chiếu tâm thì Trí tự nhiên xuất hiện.

Ba: Từ “Mãn thất nhật dĩ...” trở xuống là làm lay động quốc độ để quy tụ Đại chúng.

Bốn: Từ “Nhĩ thời bỉ thế giới trung...” trở xuống là hiện rõ tướng hiển bày về đức.

Năm: Từ “Thiện nam tử, thử phổ chiếu...” trở xuống là trình bày về Y báo-Chánh báo lúc Thành Đạo.

Sáu: Từ “Thiện nam tử, bỉ Phổ Trí Bảo Diệm...” trở xuống là bắt đầu thành tựu Chánh giác, một thành tựu thì tất cả đều thành tựu.

Bảy: Từ “Tùy chúng sinh tâm...” trở xuống là chuyển Chánh pháp luân, trong đó có ba chi tiết nhỏ:

1: Tổng quát nêu lên pháp đã chuyển.

2: Từ “Ưu nhất nhất...” trở xuống là hiển bày về thành tựu lợi ích, trong đó: Đầu là lợi ích của phàm phu, tiếp là lợi ích của Nhị thừa, sau là lợi ích của Bồ-tát.

Trong lợi ích của Bồ-tát: Trước là thành tựu về Hạnh, sau từ “Phát

Bồ-đề tâm...” trở xuống là thành tựu phần vị. Tâm Bồ-đề là phần vị của Trú, Đạo Bồ-tát là phần vị của Hạnh, Ba-la-mật thanh tịnh là phần vị của Hồi Hưởng, bởi vì Độ trước đối trị làm thanh tịnh biển rộng Đại Nguyện. Hai câu sau là phần vị Đẳng giác.

3: Từ “Thiện nam tử, Phổ Trí...” trở xuống là kết luận không có gián đoạn.

Trong chi tiết tám là Thiện hữu dẫn dắt, có sáu chi tiết: 1- Nhận biết căn cơ dấy khởi điều ác. 2- Từ “Hóa hiện diệu thân...” trở xuống là hiện rõ thân tướng siêu việt thù thắng. 3- Từ “Thời chư chúng sinh...” trở xuống là căn cơ chúng sinh kinh ngạc lấy làm quái lạ. 4- Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là nói cho biết Đức Phật xuất hiện. 5- Từ “Thời Thánh Vương nữ...” trở xuống là người nữ phát khởi Đại tâm, cũng là nhân tiến vào pháp. 6- Từ “Thiện nam tử, thời Chuyển Luân Vương...” trở xuống là vua cha đi đến lễ lạy Đức Phật.

Trong chi tiết 6 có bốn chi tiết nhỏ:

Một: Thân ở giữa hư không.

Hai: Dùng kệ khen ngợi dẫn dắt, trong đó có mười kệ: Đầu là một kệ tổng quát khuyến khích; tiếp là năm kệ giải thích về khuyến khích; sau là bốn kệ kết thúc khuyến khích, bởi vì thù thắng cho nên thuận theo hướng tới.

Ba: Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là phát khởi cúng dường rộng khắp mọi nơi.

Bốn: Từ “Đáo dĩ...” trở xuống là đến nơi đó tu tập thực hành cung kính.

Chi tiết chín là đức hạnh và nhân tu tập của người nữ, trong đó có ba chi tiết: 1- Đồ vật trang nghiêm dâng lên Đức Phật, bởi vì biểu thị cho tu vạn hạnh hưởng đến quả Phật. 2- Từ “Thời trang nghiêm...” trở xuống là nhìn thấy Đức Phật hiện rõ thần biến, bởi vì biểu thị cho nhân nhỏ bé mà quả to lớn. 3- Từ “Ký kiến thị dĩ...” trở xuống là nhìn thấy thần biến đạt được lợi ích.

Trong chi tiết mười là nghe kinh được lợi ích, có ba chi tiết:

1- Đức Phật thuyết kinh cho nghe, thuận theo tướng tổng quát làm tên gọi.

2- Từ “Thời bỉ nữ nhân...” trở xuống là chính thức trình bày về lợi ích nghe kinh, trong đó cũng có ba chi tiết nhỏ: Một: Lợi ích đạt được Tam-muội, vẫn có tổng quát và riêng biệt. Hai: Từ “Đắc như thị đẳng...” trở xuống là lợi ích đạt được Đại tâm, tức là các tâm Bi-Trí... Ba: Từ “Nhất tâm tư duy...” trở xuống là lợi ích thành tựu Đại Nguyện. Ba lợi

ích trên đây tức là điều phục chúng sinh, bởi vì ba sự giải thoát đều là pháp thuộc về điều phục.

3- Từ “Thời bỉ Như Lai phục vi...” trở xuống là hiển bày về nhân phát khởi xưa kia.

Tiết b- Từ “Thiện nam tử, phục ư thử tiền...” trở xuống là trình bày về lúc bắt đầu phát tâm: Trước đây ở nơi này, tức là đạt được pháp ở kiếp trước, hiển bày về pháp đạt được trước đây không phải là không có nhân.

Tiết c- Từ “Thiện nam tử, ư ý vân hà...” trở xuống là kết hợp với xưa và nay, trong đó có ba chi tiết: Một- Kết hợp với thân ở lúc đạt được pháp; Hai- Từ “Ngã ư bỉ thời...” trở xuống là kết hợp với lúc bắt đầu phát tâm; Ba- Từ “Thứ phục dẫn đạo...” trở xuống là chính thức kết hợp với pháp đạt được. Ở đây mới giải đáp về tên gọi ấy, tức là ba lợi ích trước đây.

Tiết 2- Từ “Thiện nam tử, quá bỉ Tỳ-lô...” trở xuống là riêng biệt giải đáp câu hỏi về tu hành đối trị làm cho thanh tịnh. Trước đây có nghe pháp tu hành là trước khi đạt được pháp, ở đây là sau khi đạt được pháp. Trong đó có hai: a-Riêng biệt nêu ra kiếp Đại Quang; b-Từ “Thiện nam tử, thử thế giới trung...” trở xuống là tổng quát hiển bày về các kiếp.

Tiết a- Riêng biệt nêu ra kiếp Đại Quang, có ba chi tiết: Một- Tổng quát trình bày. Hai- Từ “Kỳ tối sơ Phật...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, trong đó tên gọi của kinh thì người thuyết giảng sẽ giải thích. Ba- Từ “Thiện nam tử, như thị...” trở xuống là hiển bày về Đức Phật cuối cùng.

Trong tiết b là tổng quát hiển bày về các kiếp, có ba chi tiết: Một- Tổng quát nêu lên. Hai- Từ “Bỉ chư Như Lai...” trở xuống là tu hành đạt được pháp. Ba- Từ “Thiện nam tử, ngã y...” trở xuống là được thấy Phật thành tựu Hạnh.

Sau là trong Kệ tụng, có bốn mươi một kệ phân ba tiết: Một- Có hai kệ, nêu ra pháp nhắc nhở lắng nghe. Hai- Có ba mươi tám kệ, tụng phần chính thức thuyết giảng trước đây. Ba- Có một kệ, nêu ra nhân khuyến khích tu tập.

Tiết một- Có hai kệ, tức là tụng phần nêu lên nhận lời trước đây.

Ngay trong tiết hai là tụng phần chính thức thuyết giảng, tổng quát tụng về đạt được pháp xa-gần và tu hành thanh tịnh, trong đó có hai: 1- Ba mươi sáu kệ trước, tụng về một kiếp đầu tiên, mở rộng Trường hàng trước đây, có một trăm mười vị Phật, biểu thị cho Thập Địa và Đẳng giác, đều dùng vị Phật đầu tiên làm Chủ, chín vị Phật còn lại làm Bạn,

suy nghĩ điều này! 2- Hai kệ sau, tụng phần tổng quát hiển bày về các kiếp trước đây, cũng biểu thị cho Trí đầy đủ-Hạnh tròn vẹn, không có gì không phải là Phật.

Mục ba- Từ “Khứ thử bất viển...” trở xuống là chỉ ra vị Thiện hữu sau, cũng bởi vì Chứng giống nhau, lại bởi vì Thiện dựa vào Tinh tiến mà phát khởi, cho nên nói là không xa. Thiện vốn là Tịch tĩnh, tiến vào Tục thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh sâu rộng, cho nên nói là Âm Hải. Nhưng vị Dạ thần này tức là người mẹ cứu giúp tất cả, biểu thị cho Tinh tiến chân thật trở lại từ Định sinh ra, bởi vì khởi tâm động niệm là hư vọng, không phải là Tinh tiến. Còn lại có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 71 trong kinh).

Đoạn năm: Dạ thần Tịch Tĩnh Âm Hải, Thiện hữu nương vào Nan Thắng Địa. Trong văn đầy đủ sáu mục.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, vẫn có thể biết.

Mục hai- Từ “Đảnh lễ kỳ túc...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, vẫn hiển bày có thể biết.

Mục ba- Từ “Thời bĩ Dạ thần...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, trong đó: 1- Khen ngợi; 2- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là chính thức trao cho pháp giới.

Trong mục 2 là chính thức trao cho pháp giới, có hai:

Mục a- Tóm lược nêu lên tên gọi và Thể, dựa theo văn sau có hai ý: Một: Bởi vì giáo hóa chúng sinh thỏa mãn chí nguyện, cho nên sinh lòng hoan hỷ tức là phước đức trang nghiêm. Hai: Bởi vì quán sát Dụng thù thắng của Phật Bồ-tát, cho nên hoan hỷ tức là trí tuệ trang nghiêm. Bởi vì quán sát và giáo hóa đã không gián đoạn, cho nên hoan hỷ cũng niệm niệm sinh ra.

Mục b- Từ “Thiện Tài ngôn...” trở xuống là mở rộng hiển bày về Tướng ấy, trong đó có ba tiết: Một- Hiển bày về nghiệp dụng của Giải thoát. Hai-Trình bày về nhân của Giải thoát. Ba- Làm sáng tỏ về phát tâm xa-gần. Ba tiết đều có thưa hỏi và giải đáp.

Tiết một- Hiển bày về nghiệp dụng của Giải thoát: 1- Thưa hỏi; 2- Giải đáp.

Trong tiết 1 là thưa hỏi, có bốn tiết:

Tiết a- Thưa hỏi về nghiệp dụng đã đầy khởi.

Tiết b- Thưa hỏi về cảnh đã hiện hành.

Tiết c- Thưa hỏi về phương tiện có thể đầy khởi, thành tựu nghiệp dụng đã đầy khởi nói trên.

Tiết d- Thưa hỏi về cảnh quán sát có thể quán sát, thành tựu cảnh

đã hiện hành nói trên.

Trong tiết 2 là giải đáp, cũng phân làm bốn tiết:

Tiết a- Giải đáp về dấy khởi phương tiện nào? Dùng tâm bình đẳng cùng vận dụng Bi-Trí, làm phương tiện có thể dấy khởi.

Tiết b- Từ “Phát thị tâm dĩ...” trở xuống là giải đáp về làm sự nghiệp gì? Chính là giáo hóa chúng sinh mà làm sự nghiệp.

Tiết c- Từ “Phục thứ thiện nam tử, ngã thường quán sát...” trở xuống là giải đáp về làm sao quán sát? Nghĩa là quán sát về Bồ-tát và Như Lai.

Tiết d- Từ “Hựu thiện nam tử, thử giải thoát vô biên...” trở xuống là giải đáp về hiện hành ở cảnh giới nào? Dùng cảnh giới vô biên vô tận, rất sâu xa rộng lớn, chủ động-thụ động không hai, làm cảnh giới đã hiện hành.

Trong thưa hỏi, bởi vì muốn hiển bày về chủ động-thụ động sai khác, cho nên trước thưa hỏi về thụ động thành tựu, sau thưa hỏi về chủ động thành tựu.

Trong giải đáp, bởi vì muốn hiển bày về chủ động-thụ động tác thành lẫn nhau, cho nên câu cách xa mà nối liền nhau. Lại bởi vì chủ động dấy khởi thụ động, cho nên trước phải phân rõ về chủ động. Và lại, trong quán sát tuy có thụ động quán sát, mà ý thuộc về chủ động quán sát; trong cảnh đã hiện hành, tuy là đã hiện hành mà nghĩa bao gồm chủ động-thụ động, cho nên bốn câu hỏi hoàn toàn khác nhau. Vì vậy bản kinh thời Tấn nói hiện hành ở cảnh giới nào, tên gọi cảnh giới nào? Tại sao kinh này thì cảnh bao gồm tất cả phạm vi giới hạn, không chỉ là cảnh đã quán sát?

Thứ nhất- Trong giải đáp về phương tiện có thể dấy khởi, có hai mươi tâm: Trước là mười tâm Đại Trí dấy khởi hướng lên trên mong cầu, sau từ “Ngã phát khởi linh nhất thiết chúng sinh siêu quá...” trở xuống là mười tâm Đại Bi hướng xuống dưới hóa độ chúng sinh.

Thứ hai- Trong giải đáp về sự nghiệp đã làm, có nêu lên-giải thích và kết luận.

Chi tiết một- Nêu lên, có thể biết.

Chi tiết hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt giải thích, có ba mươi bảy môn, phân ba: 1- Có mười lăm môn tùy theo phương tiện thích hợp, dùng mười Độ để chuyển hóa đối trị về mười lỗi lầm, trong đó: Đầu là năm môn cùng trình bày về Xả và Giới, bởi vì Xả tất cả đấm trước thì Giới thanh tịnh; sau là mười tâm trình bày về tám Độ còn lại, mà Bát-nhã và Nguyện đều có hai môn. 2- Từ “Sắc tướng bất cụ...” trở

xuống có mười hai môn, giáo hóa chúng sinh không có công đức, khiến cho thấy rõ Đệ nhất nghĩa đạt được công đức thuộc nhân-quả của Phật. 3- Từ “Tham hành đa giả...” trở xuống có mười môn, chỉ dùng môn đối trị để phá bỏ Phiền não chướng ấy.

Chi tiết ba- Từ “Thiện nam tử, ngã dĩ thử đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về ý nghĩa giáo hóa, thấy chúng sinh thành tựu lợi ích cho nên vô cùng hoan hỷ, đây chính là ý nghĩa thứ nhất trong giải thích tên gọi.

Thứ ba- Trong giải đáp câu hỏi về quán sát, có hai chi tiết:

Chi tiết một- Quán sát cảnh giới của Bồ-tát.

Chi tiết hai- Từ “Thiện nam tử, ngã quán sát thử đạo tràng...” trở xuống là quán sát về Dụng thù thắng của Phật, trong đó có ba chi tiết:

Chi tiết 1- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, từ “Tri Phật thân lực...” trở xuống vốn là nghĩa thích hợp để sinh khởi phần sau.

Chi tiết 2- Từ “Ngã quán Tỳ-lô...” trở xuống là chính thức hiển bày có mười môn ấy.

Chi tiết 3- Từ “Ngã kiến thị dĩ ư niệm niệm...” trở xuống là tổng quát kết luận, gần thì kết luận về mười môn trước đây, cũng xa thì kết luận về quán sát cảnh giới của Bồ-tát trước đây, bởi vì cảnh đã quán sát đều xứng với tánh. Trong đó: Trước là nêu lên hoan hỷ thành tựu lợi ích; sau từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích về nguyên cơ, bởi vì Đại Trí có thể quán sát xứng với Thể-Tướng của pháp giới, Tín... đã phát sinh sánh bằng Nhất thiết trí.

Thứ tư- Giải đáp câu hỏi về cảnh giới đã hiện hành, bao gồm hai loại cảnh, như nói tiến vào môn pháp giới tức là cảnh đã quán sát, phát khởi tâm-tánh của Nhất thiết trí tức là cảnh thuộc về phạm vi giới hạn, còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Trong văn phân ba: Một- Mười môn về Pháp thuyết. Hai- Từ “Do như ảnh...” trở xuống có hai mươi hai môn về Dụng thuyết, bởi vì tướng sâu rộng khó có thể biết được. Ba- Từ “Ngã kim vị nhữ...” trở xuống là một câu tổng quát kết luận khuyến khích tu tập.

Trong tiết hai- Từ “Nhĩ thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là trình bày về nhân đạt được Giải thoát: 1- Thưa hỏi; 2- Giải đáp. Giải đáp tức là mười Độ làm nhân, có thể biết.

Tiết ba- Từ “Thiện Tài Đồng tử ngôn Thánh giả...” trở xuống là trình bày về phát tâm xa-gần, bởi vì muốn hiển bày về gốc rễ sâu xa của Đạo: 1- Thưa hỏi; 2- Giải đáp.

Trong tiết 2 là giải đáp có hai: Trước là Trường hàng, sau là Kệ

tụng.

Trong Trường hàng có ba tiết: a- Phát tâm tu hành ở trong vô số quốc độ khác; b- Từ “Nhiên hậu mạng chung...” trở xuống là tu hành đạt được pháp ở trong thế giới Sa-bà; c- Từ “Thiện nam tử, nữ vấn ư ngã...” trở xuống là kết thúc giải đáp về thưa hỏi.

Tiết a- Phát tâm tu hành, có hai chi tiết: Một- Tu tập ở Sát trần kiếp thứ nhất; Hai- Tu tập ở Sát trần kiếp thứ hai.

Trong chi tiết một- Tu tập ở Sát trần kiếp thứ nhất, phân năm: 1- Tổng quát hiển bày về vô số thế giới (Sát hải). 2- Từ “Thử thế giới trung...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về thời gian và nơi chốn. 3- Từ “Hữu Phật danh Bất Thối...” trở xuống là hiển bày về ở nơi Đức Phật thứ nhất phát tâm đạt được Định, đây tức là chính thức giải đáp câu hỏi về phát tâm. Từ đây trở đi đều hiển bày về tu hành đạt được pháp, thì biết câu hỏi trước kia cũng hàm chứa câu hỏi về đạt được pháp ấy xa-gần. Vị Thần tên gọi Cụ Túc Đăng, là cũng biểu thị cho Địa thứ năm tiến vào Tục mà phước trí cao xa thù thắng. 4- Từ “Thử đạo tràng trung thử hữu Như Lai...” trở xuống là tóm lược nêu ra chín Đức Phật tiếp theo trước. 5- Từ “Thiện nam tử, thanh tịnh quang...” trở xuống là kết thúc tóm lược hiển bày mở rộng, đây là nêu ra Sát trần số Phật trong một kiếp, đều cúng dường phụng sự tất cả.

Chi tiết hai- Từ “Tùng thử mạng chung hoàn tức...” trở xuống là tu tập ở Sát trần kiếp thứ hai. Thế giới không khác với trước, cho nên nói là trở lại ngay nơi ấy. Kiếp và thời gian có khác nhau, nói là trải qua Sát trần. Trước tuy là nhiều lần mạng chung, mà nay nói cuối cùng của kiếp trước, thì biết kiếp Phổ Quang Minh Tràng trước đây, tức là Đại kiếp. Trong đó đã gồm có Sát trần số Tiểu kiếp, trong này chỉ trình bày về Trần số Tiểu kiếp, lược bớt không có tên gọi của Đại kiếp. Hai văn phỏng theo tóm lược, cho nên sau kết luận nói rằng: Tu hạnh Bồ-tát

Trong tiết b là tu hành đạt được pháp ở thế giới Sa-bà, có hai chi tiết: Một- Nêu ra ba vị Phật trước ở thế giới này; Hai- Từ “Thử trực Tỳ-lô...” trở xuống là hiển bày nay giải thoát được gặp Bốn Sư, thì trước đây đã đạt được hưởng đến nơi này đều là nhân.

Trong chi tiết hai có hai: 1- Tên gọi và Thể; 2- Từ “Đắc thử giải thoát dĩ...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng. Nghiệp dụng trong này, không chỉ riêng sự nghiệp, bởi vì bốn câu hỏi trước đây đều là nghiệp dụng, cho nên ở đây bao gồm tất cả.

Trong chi tiết 2 có hai: Trước là nêu lên số lượng quốc độ (Hải số) đã tiến vào; sau từ “Kiến bỉ nhất thiết...” trở xuống là trình bày về

những điều đã nhìn thấy trong quốc độ.

Lần lượt chuyển tiếp sâu xa vi tế, tóm lược làm thành bốn lớp: a: Mảy trần trong vô số thế giới; b: Thế giới trong mảy trần; c: Phật trong thế giới; d: Từ “Hựu diệc kiến bỉ...” trở xuống là biến hóa ở đầu mảy lông của Phật.

Trong lớp d có hai chi tiết nhỏ: Một: Lực Thần thông diễn thuyết giáo pháp; hai: Từ “Ngã đắc...” trở xuống là trình bày về sự tỏ ngộ tiến vào cửa Dạ thần.

Trong chi tiết nhỏ thứ hai có hai: 1: Tổng quát hiển bày về có thể tỏ ngộ và đã tỏ ngộ; 2: Từ “Nhất nhất pháp môn...” trở xuống là trình bày về vi tế trùng trùng.

Trong chi tiết nhỏ thứ 2 có hai: a- Tổng quát hiển bày về mười lớp; b- Từ “Nhất nhất trí quang...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Dụng thuộc ánh sáng của Trí.

Trong chi tiết nhỏ a có mười lớp, tất cả đều hiển bày về pháp môn Vô tận. Trong mười lớp, năm lớp trước dựa theo pháp đã tỏ ngộ: Một: Pháp môn, như trong một môn Bát-nhã có nhiều Khế kinh. Hai: Tùy theo một Khế kinh giải thích về nhiều pháp sâu rộng, nghĩa là hàm chứa các Độ... Ba: Tùy theo một pháp sâu xa có nhiều phẩm loại. Bốn: Tùy theo trong một loại có nhiều pháp thuộc về Sự, mỗi một pháp ấy hàm chứa ý nghĩa như mây. Năm: Tùy theo một làn mây pháp căn bản, lưu chuyển phát ra rất nhiều dòng chảy. Năm lớp sau dựa theo pháp có thể tỏ ngộ, có thể biết.

Chi tiết nhỏ b là riêng biệt hiển bày về Dụng thuộc ánh sáng của Trí, chính là lớp thứ mười một chỉ mở rộng một lớp cuối cùng, công dụng vô biên thì tương tự trước đây trùng trùng không thể tận cùng. Trong đó: Đầu là câu tổng quát bao gồm không gian-thời gian. Sau từ “Tri vô lượng Như Lai...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về những gì đã nhận biết trong không gian-thời gian, trong đó có năm:

Một: Nhận biết về Hạnh thuộc nhân địa của Như Lai.

Hai: Từ “Tri vãng tích siêu Bồ-tát địa...” trở xuống là nhận biết về phần vị thuộc nhân địa của Như Lai.

Ba: Từ “Tri vi Bồ-tát thời thường kiến...” trở xuống là nhận biết về tác dụng của nhân địa. Ba loại trên là nhận biết về nhân.

Bốn: Từ “Tri vô lượng Như Lai phóng Đại quang...” trở xuống là nhận biết về Dụng của quả.

Năm: Từ “Bỉ chư Như Lai...” trở xuống là tổng quát nhận biết về nhân-quả.

Trong tiết c là kết thúc giải đáp về thừa hỏi, có ba chi tiết: Một- Kết luận về kiếp trước ở thế giới này; Hai- Từ “Cập thử kiếp trung...” trở xuống là tương tự hiển bày về vị lai và những thế giới khác; Ba- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là kết thúc khuyến khích tu học.

Trong Kệ tụng có mười kệ phân ba: Đầu là một kệ nhắc nhở lắng nghe khuyến khích tu tập. Tiếp là tám kệ chính thức trình bày về Hạnh xưa kia, trong đó: Bốn kệ đầu là Hạnh thuộc Trí hướng lên trên cúng dường, bốn kệ sau là tâm Bi hướng xuống dưới cứu giúp chúng sinh. Sau là một kệ kết luận về phạm vi giới hạn của Hạnh.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, vẫn có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau: Bát-nhã là pháp đã duy trì mà Đức Phật đạt được. Nói Bồ-đề tràng, là nếu Bát-nhã hiện rõ trước mắt thì khéo léo giữ gìn tòa thành của Tâm và tòa thành của Nhất thiết trí, vạn hạnh từ đó sinh ra làm tăng thêm uy lực.

Trong mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già: Đầu là dùng tâm quán sát, tiếp là dùng kệ ca ngợi, sau là dùng thân lễ lạy.

Trong kệ ca ngợi, có mười kệ phân bốn: Đầu là một kệ trình bày về nhờ vào Thiện hữu mà được nhìn thấy, tiếp là hai kệ dựa vào so sánh để hiển bày về thù thắng, tiếp là sáu kệ ngay nơi tương để hiển bày về thù thắng, sau là một kệ tổng quát kết luận về viên dung.

Đoạn sáu: Dạ thần Thủ Hộ Nhất Thiết Thành, Thiện hữu nương vào Hiện Tiền Địa.

Mục một- Ý theo lời dạy hướng đến mong cầu, vẫn có thể biết.

Mục hai- Từ “Kiến bỉ Dạ thần...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thừa hỏi, vẫn hiển bày có thể biết.

Mục ba- Từ “Thời bỉ Dạ thần...” trở xuống là khen ngợi trao cho pháp, có hai: 1- Khen ngợi về tướng phát tâm; 2- Từ “Thiện nam tử, ngã đắc...” trở xuống là chính thức trao cho pháp giới.

Trong mục 2 là chính thức trao cho pháp giới, có ba: a- Nêu lên tên gọi và Thể; b- Hiển bày về nghiệp dụng; c- Phân rõ về gốc rễ sâu xa của pháp.

Mục a- Nêu lên tên gọi và Thể: Ngay nơi Sự phù hợp với Lý, cho nên nói là Thâm thâm. Quyền-Thực không có gì ngăn ngại, thâm nhiếp hàm chứa biện tài tuyệt diệu, gọi là Tự tại. Dựa vào đây diễn thuyết giáo pháp, hợp với tất cả căn cơ chúng sinh, chính là Diệu âm.

Mục b- Từ “Vi Đại Pháp Sư...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng, trong đó có ba tiết: Một- Tổng quát trình bày; Hai- Riêng biệt

hiển bày; ba-Kết luận về lợi ích.

Trong tiết một- Tổng quát trình bày, có hai: 1- Có mười câu, làm sáng tỏ về đức của Pháp thí; 2- Từ “Phật tử, ngã dĩ thử đẳng...” trở xuống là hiển bày về ý nghĩa của Pháp thí.

Tiết hai- Từ “Thiện nam tử, ngã dĩ như thị tịnh pháp...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về nghiệp dụng, trong đó có ba: 1- Giải thích về Thâm thâm; 2- Giải thích về Tự tại; 3- Giải thích về Diệu âm.

Trong tiết 1- Giải thích về Thâm thâm, có ba tiết:

Tiết a- Tổng quát nêu lên.

Tiết b- Từ “Hà giả...” trở xuống là nêu ra chứng cứ, nêu ra mười loại nghĩa khác nhau trong pháp giới, dựa theo mười loại Hạnh để hiển bày, bởi vì Hạnh nhất định phải xứng với Lý, Lý nhờ vào Hạnh mà hiển bày, nghĩa là: Một-Không có phần lượng; hai-Không có giới hạn; ba-Không có phạm vi; bốn-Không có bến bờ; năm-Thời gian không có gián đoạn. Còn lại có thể biết.

Tiết c- Từ “Thiện nam tử, ngã tác...” trở xuống là kết luận về lợi ích của quán sát trước đây.

Tiết 2- Từ “Hựu thiện nam tử, ngã như thị chánh niệm...” trở xuống là giải thích về nghĩa Tự tại, nghĩa là Tổng trì Quyên-Thật, đều dựa vào pháp đã duy trì mà thiết lập tên gọi, có thể biết.

Tiết 3- Từ “Thiện nam tử, ngã hoặc vị chúng sinh...” trở xuống là giải thích về nghĩa Diệu âm, trong đó có hai: a- Riêng biệt trình bày; b- Tổng quát kết luận.

Tiết a- Riêng biệt trình bày, có hai mươi ba câu: Ba câu đầu dựa theo ba Tuệ, hai mươi câu sau làm mười cặp dựa theo mở rộng-tóm lược để phân rõ. Tóm lược nói là một, bao gồm Lý-bao gồm Sự. Lý cùng có là hai mươi lăm, bởi vì có Lý không hai. Sự cùng có là bởi vì cùng một hữu vi. Còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Tiết b- Từ “Ngã dĩ như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong tiết ba- Từ “Thiện nam tử, ngã nhập...” trở xuống là kết luận về lợi ích, có hai: 1- Riêng biệt kết luận về lợi ích của Thâm thâm, bởi vì tiến vào không có sai biệt, cho nên trải qua kiếp Trụ mà không mệt mỏi. 2- Từ “Ngã thành tựu...” trở xuống là bao gồm kết luận về Tự tại và Diệu âm, Tổng trì cho nên tăng trưởng giải thoát, Diệu âm cho nên đầy khắp pháp giới.

Mục c- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là phân rõ về gốc rễ sâu xa của pháp, có hai tiết: Một- Thưa hỏi; Hai- Giải đáp.

Trong tiết hai là giải đáp, có hai: 1- Phân rõ về tu hành ở kiếp thứ nhất; 2- Từ “Tùng thị dĩ lai...” trở xuống là tương tự hiển bày về thành tựu lợi ích của nhiều kiếp.

Tiết 1- Phân rõ về tu hành ở kiếp thứ nhất, phân hai:

Tiết a- Tổng quát nêu ra quốc độ và kiếp. Nói thế giới chuyển, nghĩa là thế giới làm mảy trần, một mảy trần là một quốc độ, lại nghiêng vụn làm mảy trần; cũng giống như vô lượng vô lượng, chuyển làm một vô lượng... Nếu chọn lấy hình dạng xoay chuyển, thế giới là mảy trần, thì tại sao chỉ chọn lấy hình dạng này?

Tiết b- Từ “Thiện nam tử, bỉ thế giới...” trở xuống là riêng biệt làm sáng tỏ về được gặp Đức Phật, trong đó có bốn chi tiết: Một- Tổng quát nêu ra số lượng chư Phật và nơi chốn xuất hiện; Hai- Từ “Kỳ tối sơ...” trở xuống là riêng biệt trình bày về pháp đạt được từ vị Phật thứ nhất; Ba- Từ “Thứ hữu Phật hưng...” trở xuống là tóm lược nêu ra trăm vị Phật trước đây theo thứ tự; Bốn- Từ “Thiện nam tử, như thị đẳng...” trở xuống là kết thúc tóm lược hiển bày mở rộng.

Trong chi tiết hai là riêng biệt trình bày về pháp đạt được từ vị Phật thứ nhất, có sáu: 1- Nêu lên vị Phật xuất hiện. 2- Từ “Bỉ Phật xuất thời...” trở xuống là vua cha xuất gia. 3- Từ “Pháp dục diệt...” trở xuống là đời ác trước phát sinh nhiều lỗi lầm. 4- Từ “Thời Vương Tỳ-kheo...” trở xuống là diệt trừ lỗi lầm mà truyền bá giáo pháp làm cho lớn mạnh. 5- Từ “Thời hữu Tỳ-kheo Ni...” trở xuống là Vương nữ thấy nghe phát tâm đạt được pháp, tức là chính thức giải đáp về đạt được pháp xa-gần. 6- Từ “Ư nhữ ý vân hà...” trở xuống là kết hợp với xưa và nay thành tựu lợi ích.

Chi tiết ba là tóm lược nêu ra trăm vị Phật trước đây theo thứ tự, có thể biết.

Chi tiết bốn là kết thúc tóm lược hiển bày mở rộng, văn hiển bày có thể biết.

Tiết 2 là tương tự hiển bày về thành tựu lợi ích của nhiều kiếp, văn có thể biết.

Trong mục bốn- Từ “Ngã duy tri...” trở xuống là khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có hai: 1- Hiển bày về mình chỉ biết một pháp, tóm lược hiển bày về bốn loại nghiệp dụng. Nếu dựa theo Diệu âm để giải thích, thì không nói thêu dệt, không nói ly gián, không nói dối gạt, không nói thô ác, như thứ tự mà phối hợp. Nếu dựa theo Thâm thâm để giải thích, thì không phù hợp với Lý đều gọi là hý luận. Phát ra ngôn từ ở ngoài Lý tức là hai lời, đã trái ngược với Lý thì không chân

thật-không thanh tịnh, ngược lại điều này có thể biết. 2- Từ “Như chư...” trở xuống là mở rộng Thắng tiến biết về nhiều pháp.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, có ba: 1- Chỉ ra Thiện hữu ở phần vị sau; 2- Tụng về pháp trước đây; 3- Thiện Tài đạt được lợi ích.

Mục 1- Chỉ ra Thiện hữu ở phần vị sau: Khai Phu Thọ Hoa, là dựa theo Sự thuộc về cây Hương trong lầu gác, dựa theo phần vị thì Địa thứ bảy là Hữu hạnh, mà Hữu bắt đầu phát ra Vô tướng trí.

Trong mục 2- Tụng về pháp trước đây, bởi vì sắp ra đi mà ân cần dẫn dò khiến cho tu học, có mười một kệ phân hai: Hai kệ đầu là tụng về Thể-Dụng trước đây, chín kệ còn lại là tụng phần hiển bày về gốc rễ sâu xa của pháp.

Trong chín kệ cũng có hai: Tám kệ đầu tụng về kiếp thứ nhất, một kệ sau tụng phần tương tự hiển bày về nhiều kiếp.

Trong tám kệ đầu có ba: Ba kệ trước tổng quát tụng về kiếp đầu và kiếp sau, bốn kệ tiếp riêng biệt tụng về pháp đạt được từ vị Phật thứ nhất, một kệ sau tụng về một trăm vị Phật trung gian, và văn kết luận ở sau.

Mục 3- Thiện Tài đạt được lợi ích: Tuy thông suốt từ trước, mà vẫn cũng tiếp cận từ đây, trong đó: Trước là Trường hàng trình bày về lợi ích, sau từ “Quán sát...” trở xuống là Kệ tụng mừng vui ca ngợi. Mười kệ phân bốn:

Một kệ đầu ca ngợi về phước-trí siêu việt tuyệt vời.

Bốn kệ tiếp ca ngợi về Bi-Trí rất sâu xa. Niệm niệm dựa theo duyên với tất cả cảnh, mà không ngăn ngại Sự phân biệt; tâm tâm vĩnh viễn đoạn trừ các phân biệt, mà luôn luôn phù hợp với Lý. Lại câu trước dựa theo Quán, câu sau dựa theo Chỉ, tức là Chỉ-Quán cùng vận dụng. Thông hiểu rõ ràng Vô tánh mà thành tựu không có phân biệt, đấy khởi Đại Bi mà thành tựu dựa theo duyên trước đây. Dựa theo duyên tức là phân biệt mà thôi, không chỉ là thuộc về Vọng.

Bốn kệ tiếp tổng quát hiển bày về đức đầy đủ, lia xa chướng ngại, thâm nhiếp lợi ích.

Một kệ sau là thành tựu Hạnh tiến vào phần vị.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, văn hiển bày có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 72 trong kinh).

Đoạn bảy: Dạ thần Khai Phu Nhất Thiết Thọ Hoa, Thiện hữu nương vào Viên Hành Địa.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu, vẫn có thể biết.

Mục hai- Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, văn hiển bày có thể biết.

Mục ba- Từ “Dạ thân ngôn...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trong đó có bốn: 1- Hiển bày về pháp thực hành; 2- Thiết lập tên gọi của pháp; 3- Trình bày về nghiệp dụng; 4- Phân rõ về gốc rễ sâu xa của pháp.

Mục 1- Hiển bày về pháp thực hành, cũng là nghiệp dụng đã đẩy lên của pháp môn, bởi vì đối với Hạnh thưa hỏi trước kia, tổng quát chỉ ra Hạnh ấy mà chưa nêu ra tên gọi của pháp môn, trong đó có hai: a- Trình bày về Hạnh làm yên vui cho chúng sinh; b- Từ “Thiện nam tử, nhược hữu...” trở xuống là Hạnh làm lợi ích cho chúng sinh, bởi vì khiến cho chúng sinh đoạn bỏ điều ác-tu tập điều thiện.

Trong mục b có hai: Trước là tổng quát; sau từ “Vị xan lận...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mười Độ, đối trị mười chướng ngại che lấp.

Mục 2- Từ “Thiện nam tử, ngã dĩ thành...” trở xuống là thiết lập tên gọi của pháp, ở đây có hai ý: a: Tâm Bi-Trí hướng về trước phù hợp với mình làm lợi ích chúng sinh, cho nên sinh ra Đại Hỷ; b: Bi-Trí rộng lớn hướng về sau dựa theo Phật thâm nhiếp chúng sinh, cho nên sinh ra Đại Hỷ.

Trong mục 3- Từ “Thiện Tài ngôn...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục a- Thưa hỏi, bởi vì đều là phạm vi giới hạn của nghiệp dụng, cho nên nói là cảnh giới.

Trong mục b- giải đáp, có ba tiết:

Tiết một- Tổng quát nêu lên, nghĩa là nhận biết về Trí của Phật thâm nhiếp chúng sinh, là phạm vi giới hạn của nghiệp dụng.

Tiết hai- Từ “Vân hà phổ nhiếp...” trở xuống là tóm lược hiển bày về tướng thâm nhiếp tất cả, nghĩa là niềm vui của tất cả chúng sinh đều do Phật mà đạt được, cho nên biết là Phật thâm nhiếp tất cả.

Tiết ba- Từ “Vân hà tri nhiên...” trở xuống là mở rộng hiển bày về Trí phương tiện khéo léo, có hai: 1- Đưa ra, có thể biết. 2- Ý giải thích rằng: Tôi thấy Như Lai từ nhân đến quả, bởi vì Đại Bi khéo léo thâm nhiếp, cho nên biết niềm vui từ Phật sinh ra.

Trong tiết 2 có hai: a- Tổng quát trình bày; b- Từ “Thiện nam tử, Thế Tôn vãng tích...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong tiết b cũng có hai chi tiết: Một- Phát Tâm khéo léo thâm nhiếp tất cả; Hai- Khởi Hạnh khéo léo thâm nhiếp tất cả.

Trong chi tiết một- Phát Tâm khéo léo thâm nhiếp tất cả, cũng có hai: 1- Nhìn thấy cảnh mà phát tâm, bởi vì chìm trong Khổ-Tập; 2- Từ “Kiến như thị...” trở xuống là chính thức phát tâm cứu giúp, khiến cho đạt được Diệt-Đạo.

Trong chi tiết 2 có hai: a- Tâm Từ-Bi cùng đầy khởi; b- Từ “Khởi quán sát...” trở xuống là Bi-Trí cùng vận dụng.

Trong chi tiết hai- Từ “Khởi như thị tâm dĩ...” trở xuống là khởi Hạnh thâm nhiếp tất cả, cũng có hai: 1- Riêng biệt trình bày về Hạnh làm lợi ích cho chúng sinh; 2- Từ “Thiện nam tử, Tỳ-lô Giá-na...” trở xuống là đan xen trình bày về đủ loại Hạnh.

Trong chi tiết 1- Riêng biệt trình bày về Hạnh làm lợi ích cho chúng sinh, có ba: a- Nêu ra Thể của Hạnh thâm nhiếp chúng sinh; b- Từ “Dĩ thị phương tiện...” trở xuống là trình bày về chủ ý thâm nhiếp chúng sinh; c- Từ “Bồ-tát như thị niệm niệm...” trở xuống là phân rõ về thâm nhiếp chúng sinh rộng khắp mọi nơi, tức là nghĩa của rộng lớn.

Trong chi tiết 2 là đan xen trình bày về đủ loại Hạnh, có hai: a- Trình bày về quán sát căn cơ làm sáng tỏ Khổ-Tập không có giới hạn; b- Từ “Khởi Đại Bi tâm...” trở xuống là hiển bày về tu hành vô lượng.

Trong chi tiết b có ba: Đầu là tổng quát trình bày về lợi ích của giáo hóa, tiếp từ “Vị thuyết chủng chủng...” trở xuống là riêng biệt trình bày về pháp đã giáo hoá, sau từ “Linh chư chúng sinh...” trở xuống là tổng quát kết luận về ý nghĩa giáo hoá.

Mục 4- Từ “Thiện Tài Đồng tử ngôn...” trở xuống là phân rõ về gốc rễ sâu xa của pháp: a- Thưa hỏi; b- Giải đáp.

Trong mục b- Giải đáp, có hai tiết: Một- Ca ngợi sâu xa nhận lời thuyết giảng; Hai- Từ “Nãi vãng...” trở xuống là nương theo uy lực chính thức giải đáp.

Trong tiết một- Ca ngợi sâu xa nhận lời thuyết giảng, có hai: Trường hàng và Kệ tụng.

Trong Trường hàng cũng có hai tiết: 1- Ca ngợi sâu xa khó nhận biết; 2- Nương theo uy lực nhận lời thuyết giảng.

Trong tiết 1- Ca ngợi sâu xa khó nhận biết, có bốn tiết:

Tiết a- Nêu lên khó nhận biết, không những lâu xa khó nhận biết, mà cũng ngay lúc phát tâm đã đạt được pháp sâu xa, bởi vì đầy đủ cảnh giới của Phật. Huống hồ không có tướng xa-gần, không phải là thường thấy-nghe cho nên khó tin tưởng, không phải là cảnh của Văn tuệ cho nên khó nhận biết, không phải là cảnh của Tư-Tu cho nên khó hiểu rõ-khó tiến vào. Trên đây đều vốn là diệt mất nơi chốn duyên vào của

tâm. Khó thuyết giảng là bởi vì đoạn dứt lộ trình của ngôn ngữ.

Tiết b- Từ “Nhất thiết...” trở xuống là hiển bày về người không nhận biết.

Tiết c- Từ “Duy trừ...” trở xuống là chọn ra chủng loại có năng lực nhận biết, tức là Thiện Tài.

Tiết d- Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là đưa ra giải thích nguyên cớ, bởi vì đều là cảnh giới của Phật, Bồ-tát Quyền giáo hãy còn không có năng lực nhận biết, huống hồ căn trí kém cõi trước đây hay sao?

Tiết 2- Từ “Nhiên ngã kim...” trở xuống là nương theo uy lực nhận lời thuyết giảng.

Trong Kệ tụng- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống có hai mươi một kệ phân hai: Mười chín kệ đầu tụng về ca ngợi sâu xa khó thuyết giảng, hai kệ sau tụng về nương theo uy lực nhận lời thuyết giảng.

Trong mười chín kệ, có bốn: Một- Có một kệ, tụng về nêu lên sâu xa khó thuyết giảng. Hai- Có ba kệ, tụng về người không có năng lực nhận biết. Ba- Có một kệ, vượt lên tụng về giải thích trước đây, bởi vì đều là cảnh giới của Phật, cho nên người mê lầm không nhận biết. Bốn- Có mười bốn kệ, tổng quát tụng về chọn ra chủng loại có năng lực nhận biết, theo thứ tự tụng về Phật lực đã che chở trước đây, e rằng nhiều văn cho nên không phối hợp, mà người thuyết giảng vốn tùy theo thích hợp.

Trong tiết hai- Nương theo uy lực chính thức giải đáp, có hai: Trường hàng và Kệ tụng.

Trong Trường hàng cũng có hai tiết: 1- Chính thức thuyết giảng; 2- Kết hợp với xưa và nay.

Tiết 1- Chính thức thuyết giảng, có bốn: a- Tổng quát hiển bày về Đức Phật xuất thế và thời gian-nơi chốn phát tâm; b- Từ “Thiện nam tử, bĩ Phổ Quang Minh...” trở xuống là riêng biệt nêu ra nơi chốn-thời gian của mình ở đời trước; c- Từ “Kỳ trung hữu Vương...” trở xuống là trình bày về duyên thù thắng của phát tâm; d- Từ “Thời thử Hội trung hữu Đồng nữ...” trở xuống là chính thức hiển bày về sự phát tâm của mình ở đời trước.

Tiết a và tiết b có thể biết. Trong tiết c có bốn chi tiết:

Chi tiết một- Trình bày về sự chuyển hóa cai trị của Đại Vương, tức là Thiết Luân Vương, cho nên nói là Diêm-phù.

Chi tiết hai- Từ “Thời bĩ thế giới...” trở xuống là năm Trước làm nhân cảm đến quả của ba Tai: Thọ mạng ngắn ngủi tức là Mạng trước, từ “Tư tài...” trở xuống là Chúng sinh trước, từ “Bất tu...” trở xuống là

Phiền não trước, từ “Nhậm tình...” trở xuống là Kiến trước, Kiếp trước thì bao gồm tất cả.

Chi tiết ba- Từ “Hàm lai cộng nhiều...” trở xuống là cảnh đau thương hiện rõ trước mắt.

Chi tiết bốn- Từ “Nhĩ thời Đại Vương...” trở xuống là chính thức trình bày về phát khởi thực hành, trong đó có hai: 1- Khởi tâm Đại Bi sâu xa; 2- Từ “Tác thị ngữ dĩ...” trở xuống là mở rộng thực hành Đại thí.

Trong chi tiết 2 có tám chi tiết nhỏ:

Một: Bồ thí giúp cho tất cả mọi nơi.

Hai: Từ “Kỳ kiên cố...” trở xuống là pháp hội bồ thí rộng lớn.

Ba: Từ “Thời bỉ Đại Vương...” trở xuống là người bồ thí siêu việt tuyệt vời.

Bốn: Từ “Nhĩ thời Diêm-phù...” trở xuống là ruộng bồ thí quy tụ đông đúc.

Năm: Từ “Thời Vương kiến bỉ...” trở xuống là Tâm bồ thí thiết tha sâu nặng.

Sáu: Từ “Thiện nam tử, kỳ Vương nhĩ thời...” trở xuống là Nguyên bồ thí sâu rộng.

Bảy: Từ “Dĩ năng thâm nhập...” trở xuống là Tuệ bồ thí sâu xa vi tế.

Tám: Từ “Bất giản phương...” trở xuống là luôn luôn bồ thí đều đặn rộng khắp.

Trong tiết d là chính thức hiển bày về sự phát tâm của mình ở đời trước, có sáu chi tiết: Một- Đức của thân phát tâm. Hai- Từ “Thời Bảo Quang Minh nữ...” trở xuống là chính thức phát khởi Đại tâm, giống như tâm của Đại Vương. Ba- Từ “Nhĩ thời Đại Vương...” trở xuống là Đại Vương phát ra lời nói thâm nhiếp. Bốn- Từ “Thời Bảo Quang Minh...” trở xuống là người nữ ca ngợi đức của Đại Vương. Năm- Từ “Thời bỉ Đại Vương...” trở xuống là Đại Vương bày tỏ khen ngợi. Sáu- Từ “Vương tán nữ dĩ...” trở xuống là thực hiện thâm nhiếp duy trì.

Trong sáu chi tiết, ba chi tiết trước có thể biết.

Trong chi tiết bốn là người nữ ca ngợi đức của Đại Vương, có ba: Đầu là nêu lên tâm thanh tịnh, tiếp là miệng phát ra lời nói, sau là mở rộng về thân lễ lạy-miệng ca ngợi.

Trong Kệ tụng, có năm mươi hai kệ phân hai tiết: Một- Có hai mươi lăm kệ, tổng quát hiển bày về đức của Đại Vương; Hai- Từ “Vương phụ...” trở xuống có hai mươi bảy kệ, hiển bày về đời trước của

Đại Vương.

Trong tiết một- Hai mươi lăm kệ, có bốn: 1- Có sáu kệ trình bày về tổn hại ở lúc Đại Vương chưa xuất thế. 2- Có hai kệ trình bày về lợi ích ở lúc Đại Vương xuất thế. 3- Có mười kệ trình bày về thay đổi tổn hại trở thành lợi ích, tức là chuyển hóa mười ác. 4- Có bảy kệ trình bày về Y-Chánh khó nghĩ bàn.

Trong tiết hai- Hai mươi bảy kệ, hiển bày về đời trước của Đại Vương, có bốn: 1- Có bốn kệ trình bày về cuối đời của vị vua trước. 2- Có tám kệ trình bày về tướng trước khi Đại Vương xuất thế. 3- Có bảy kệ chính thức hiển bày về Đản sinh. 4- Có tám kệ trình bày về lợi ích sau khi Đản sinh.

Thân lễ lạy và Đại Vương bày tỏ khen ngợi..., có thể biết.

Tiết 2- Từ “Thiện nam tử, nhĩ thời nhất thiết...” trở xuống là kết hợp với xưa và nay.

Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là Kệ tụng, chỉ là tổng quát về tướng, hiển bày đã có thể nhận biết, trong đó: Chín kệ trước là trình bày về pháp có thể nhận biết, một kệ sau là kết luận khuyến khích.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau, vẫn hiển bày có thể biết.

Mục sáu- Lưu luyến đức hạnh lễ chào từ già, vẫn có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 73 trong kinh).

Đoạn tám: Dạ thân Đại Nguyện Tinh Tiến Lực, Thiện hữu nương vào Bất Động Địa. Đạo thuộc về công dụng không có phân biệt, tùy theo làn gió Đại Nguyện mà cứu giúp che chở tất cả.

Mục một- Y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Lược qua không có nghĩ đến pháp, bởi vì cũng biểu thị cho lìa xa ý niệm không còn phân biệt.

Mục hai- Từ “Kiến bỉ Dạ thân...” trở xuống là gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, nhưng cũng hàm chứa hai ý: Nếu dựa theo thuyết giảng rõ ràng thì từ đây đến hết kệ đều là mục thứ hai, đến “Dạ thân đáp ngôn...” trở xuống mới thuộc về mục thứ ba là trao cho pháp giới của mình; nếu dựa theo trao truyền bí mật thì ở đây đã hiện rõ về Dụng thù thắng là trao cho pháp giới của mình, Thiện Tài phát tâm giống như Thiện hữu thì đã đạt được lợi ích.

Nghĩa tuy bao gồm hai mục nhưng bởi vì muốn thuận theo văn, cho nên tạm thời dựa vào sự phân định trước đây, ngay nơi văn phân ba mục: 1- Nhìn thấy Dụng thù thắng; 2- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử...” trở xuống là lễ chào cung kính chứng thực tiến vào; 3- Từ “Nhĩ thời Thiện

Tài thuyết thử kệ dĩ...” trở xuống là thưa hỏi về pháp quan trọng.

Mục 1- Nhìn thấy Dụng thù thắng, có hai: a- Tổng quát nhìn thấy Y báo. b- Từ “Hiện nhật nguyệt...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Thân tướng, có hai mươi bốn Thân: Đầu là mười Thân, tức là Thân ứng với căn cơ thâm nhiếp giáo hoá; tiếp từ “Hiện nhất thiết Phật sở...” trở xuống có sáu Thân, là Thân ứng với pháp thành tựu hạnh; sau là tám Thân lia xa chướng phù hợp với Lý, phần nhiều tùy theo đức bên trong mà hiển bày về Thân sai biệt, nhìn thấy Thân hiểu rõ Tâm.

Trong mục 2 là lễ chào cung kính chứng thực tiến vào, có bốn: a- Lễ chào cung kính bày tỏ lễ nghi; b- Từ “Ưu thiện tri...” trở xuống là phát tâm càng thêm thù thắng; c- Từ “Phát thị tâm dĩ...” trở xuống là chứng đạt sâu xa giống nhau; d- Từ “Ký hoạch thử dĩ...” trở xuống là dùng kệ ca ngợi mừng vui.

Mục a và mục b, có thể biết.

Trong mục c có ba tiết: Một- Nêu lên; Hai- Giải thích; Ba- Kết luận.

Tiết một- Nêu lên: Bởi vì mười tâm bình đẳng giống như mình phát khởi trước đây, cho nên đạt được những Hạnh giống như Thiện hữu. Tổng quát luận về giống nhau, có bốn nghĩa: 1- Người và pháp không hai, cùng với tất cả pháp giới giống nhau. 2- Nhân và quả không hai, cùng với tất cả chư Phật giống nhau. 3- Tự và Tha không hai, cùng với tất cả Bồ-tát giống nhau. 4- Nhiễm và tịnh không hai, cùng với tất cả chúng sinh giống nhau.

Nay nói đạt được pháp của Dạ thần ấy, cùng với các Bồ-tát giống nhau, Hạnh của Bồ-tát thì chính là loại thứ 3, nghĩa bao gồm ba loại còn lại. Do nhìn thấy loại đầu, không khác với hai loại còn lại, thì mới thật sự giống nhau hoàn toàn. Bởi vì Địa thứ tám chứng được lý Vô sinh, mà Tự-Tha tác thành lẫn nhau đều vô ngại, cho nên chỉ riêng Địa này trình bày về giống nhau, trong văn sau nêu ra có Vô sinh Nhãn.

Tiết hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là nêu ra giải thích, có tám mươi bốn loại giống nhau, đều có nêu lên tên gọi-giải thích ý nghĩa, văn tương tự nhiên hiển bày.

Tiết ba- Từ “Thời Thiện Tài Đồng tử quán sát...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Mục d là dùng kệ ca ngợi mừng vui, có mười kệ phân ba tiết:

Tiết một- Có tám kệ, tụng về phát tâm càng thêm thù thắng trước đây, theo thứ tự tụng về mười câu trước đây: Sáu kệ đầu đều tụng về một câu. Kệ thứ bảy, ba câu trước tụng về câu thứ bảy, một câu sau tụng

về câu thứ tám. Kế thứ tám, hai câu trước tụng về câu thứ chín, hai câu sau tụng về câu thứ mười.

Tiết hai- Có một kệ, tụng về chứng đạt sâu xa giống nhau.

Tiết ba- Có một kệ, tụng về mang ân sâu nặng.

Mục 3: là thưa hỏi về pháp quan trọng: Bởi vì trước đã nhìn thấy Dụng của giải thoát, không thưa hỏi về tu hành như thế nào, thẳng thắn đưa ra tên gọi mà thôi. Vẫn có ba câu hỏi.

Mục ba- Từ “Dạ thần cáo ngôn...” trở xuống là trao cho pháp giới của mình, trước đây thì im lặng trao cho, nay mới nói ra để trao cho, trong đó có hai: 1- Giải đáp câu hỏi về tên gọi; 2- Giải đáp về phát tâm xa-gần. Sở dĩ không giải đáp câu hỏi thứ ba về thành tựu Bồ-đề, bởi vì có hai ý: Một- Hiển bày về Bi tặng thêm, như Hư Xả giải thích; Hai- Hiển bày về thành tựu đã lâu mà thị hiện ở phần vị của nhân, bởi vì một ngàn vị Phật đã cứu giúp về sau hãy còn thành tựu đã lâu, huống hồ có thể cứu giúp hay sao?

Trong mục 1- Giải đáp câu hỏi về tên gọi, có hai: a- Nêu lên tên gọi, nghĩa là hiện thân giáo hóa rộng khắp, khiến cho phát sinh các pháp thiện, đến cuối cùng đạt được quả Phật, cho nên gọi là Căn. b- Từ “Ngã dĩ thành tựu...” trở xuống là hiển bày về nghiệp dụng, nghĩa là Dụng phù hợp với Lý, cho nên Dụng mà không có giới hạn, Động-Tịch không hai.

Trong mục b có ba tiết:

Tiết một- Trình bày về bên trong phù hợp với Lý-Sự.

Tiết hai- Từ “Nhi hằng...” trở xuống là trình bày về Đại Dụng không có giới hạn.

Tóm lược hiển bày về chín mươi tám loại Sắc thân, cùng với trước-sau nêu lên và kết luận, tức là một trăm Thân. Luận Khởi Tín..., trình bày Địa thứ tám vốn là Địa thuộc về Sắc tự tại. Ở đây mở rộng phân rõ về Sắc thân, đủ loại là dựa theo chủng loại riêng biệt ấy, không phải một là dựa theo một chủng loại mà nhiều, còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Tiết ba- Từ “Niệm niệm trung hiện...” trở xuống là tổng quát kết luận về sâu rộng, trong đó có bốn: 1- Kết luận về những nghiệp đã làm; 2- Từ “Thiện nam tử, đương tri...” trở xuống là kết luận về nhân có thể hiện rõ; 3- Từ “Thiện nam tử, ngã nhập...” trở xuống là cùng kết luận về Tịch-Dụng vô ngại; 4- Từ “Nhất nhất thân...” trở xuống là kết luận về thành tựu sâu rộng.

Trong mục 2- Từ “Thiện nam tử, như nhữ sở vấn...” trở xuống là

giải đáp về phát tâm xa-gần, trong đó có hai: a- Ca ngợi về sâu xa, nhận lời thuyết giảng; b- Chính thức giải đáp điều đã thưa hỏi.

Trong mục a- Ca ngợi về sâu xa, nhận lời thuyết giảng, có ba tiết: Một- Nhắc lại câu hỏi, nhận lời thuyết giảng; Hai- Từ “Thiện nam tử, Bồ-tát trí luân...” trở xuống là ca ngợi về pháp rất sâu xa; Ba- Từ “Phật tử, Bồ-tát trí luân tuy phục...” trở xuống là kết luận nương theo uy lực thuyết giảng.

Trong tiết hai là ca ngợi về pháp rất sâu xa, có hai: 1- Pháp thuyết; 2- Dụ trình bày.

Tiết 1- Pháp thuyết: a- Nêu lên; b- Giải thích.

Trong tiết b là giải thích: Trước là chính thức giải thích, Bốn tánh dựa theo Lý, lìa xa phân biệt dựa theo Trí, vượt qua chướng ngại dựa theo pháp đã đoạn trừ. Sau từ “Tùy sở ứng...” trở xuống là giải thích về trở ngại, đã không có dài-ngắn, nay nói về dài-ngắn là bởi vì lợi ích cho chúng sinh, muốn dài thì dài là hiển bày về gốc rễ sâu xa của pháp, muốn ngắn thì ngắn là hiển bày về pháp siêu việt thù thắng.

Tiết 2- Dụ hiển bày, có năm Dụ:

Một: Dụ về mặt trời sáng tỏ tùy theo thời gian, nghĩa là Thể của mặt trời luôn luôn sáng tỏ, chiếu rọi núi cao vào lúc mọc lên và lặn xuống, Trí không có ba đời mà tâm chướng ngại nhìn thấy khác nhau.

Hai: Dụ về vắng mặt trời hiện rõ bóng ảnh, nghĩa là mặt trời không có đến-đi, tùy theo nơi chốn mà ẩn-hiện, vắng trí tuệ luôn luôn vắng lặng mà căn cơ nhìn thấy ngắn-dài.

Ba: Dụ về thuyền trống rỗng vận chuyển đồ vật, dụ cho Bồ-tát thâm nhiếp chúng sinh mà không trú vào.

Bốn: Dụ về hư không rộng lớn vô ngại, dụ cho Bồ-tát tùy ý vận dụng tự nhiên (Vô công) mà làm lợi ích cho chúng sinh.

Năm: Dụ về huyền hóa không có chân thật, dụ cho ngay nơi Dụng mà Tịch.

Nhưng các Dạ thần trước đây ca ngợi về sâu xa, đều phỏng theo Pháp-Dụ này.

Tiết ba- Là kết luận nương theo uy lực để thuyết giảng, có thể biết.

Mục b- Từ “Phật tử, nãi vãng...” trở xuống là chính thức giải đáp về điều đã thưa hỏi: Trước là Trường hàng, sau là Kệ tụng.

Trong Trường hàng có ba tiết: Một- Nhân thực hành đạt được pháp trong kiếp Thiện Quang; Hai- Tu hạnh cúng dường chư Phật trong kiếp Nhật Quang; Ba- Tổng quát kết luận về thời gian-nơi chốn.

Trong tiết một: 1- Trình bày về pháp đã tu chứng của vị Phật đầu tiên; 2- Chuyển sang đời khác được gặp Phật tu hành.

Trong tiết 1 có ba: a- Cổ Phật xuất hiện ở thế gian; b- Từ “Thị thời Quốc Vương...” trở xuống là sự chuyển hoá cai trị của vị vua trước đây, tù ngục (Linh ngữ) là tên gọi của ngục tù ở khắp nơi; c- Từ “Vương hữu Thái tử...” trở xuống là nhân tu tập của Dạ thần.

Trong tiết c có ba chi tiết: Một- Trình bày về sự việc của mình lúc còn tại gia; hai-Kết hợp với xưa và nay; ba-Xuất gia đạt được pháp.

Chi tiết một- Trình bày về sự việc của mình lúc còn tại gia, có mười chi tiết:

1- Xót thương cứu giúp người tội, chính thức giải đáp về lúc bắt đầu phát tâm. Đánh bằng roi gậy-nện bằng gậy gộc (Bành xuy-chùy kích), Tẩn nghĩa là hạ bị hình phạt chặt xương đầu gối.

2- Quan lại bàn bạc không hợp lý.

3- Thỉnh cầu thế mạng cho người tội.

4- Quan lại bắt giữ để giết chết; nói Bảo Tộ là ngôi vị, Kinh Dịch nói Đại Bảo của Thánh nhân gọi là ngôi vị.

5- Vương hậu đau xót cầu xin.

6- Nhà vua làm mất đi ý chí của con trai.

7- Thái tử nhất định cứu giúp.

8- Mẹ thưa thỉnh về nhân tu tập.

9- Chính thức đem ra nơi thi hành.

10- Từ “Kinh bán nguyệt...” trở xuống là Như Lai đích thân cứu giúp, trong đó có sáu chi tiết nhỏ:

Một: Sắp đến lúc giết.

Hai: Từ “Thời pháp luân...” trở xuống là Như Lai giảng đức thâm nhiếp.

Ba: Từ “Nhĩ thời Thái tử...” trở xuống là cung kính bày tỏ lễ lạy thưa thỉnh.

Bốn: Từ “Dĩ Phật thân...” trở xuống là đến nơi chỗ ngồi bàn luận kinh pháp. Nói về Phổ chiếu nhân luân, nghĩa là khiến cho nhận biết thiện-ác đều có nhân của nó, người tội do nhân ác mà chuốc lấy, nhân thiện của Thái tử sẽ đầy đủ.

Năm: Từ “Thời bỉ hội...” trở xuống là mở rộng lợi ích cho Đương cơ.

Sáu: Từ “Thiện phục...” trở xuống là Thái tử đạt được pháp.

Chi tiết hai- Từ “Thiện nam tử, nhĩ thời Thái tử...” trở xuống là kết hợp với xưa và nay, có bốn chi tiết: 1- Kết luận về chính mình, chính

thức giải đáp câu hỏi về phát tâm; 2- Kết luận về Đại thân; 3- Kết luận về ngục tù; 4- Kết luận về quyền thuộc của nhà vua. Trong văn đều rõ ràng, có thể biết. Tát-già là Hữu, Ni-kiền là Bất hệ, là ngoại đạo lỏa hình tự chịu đói khát mà không hệ thuộc đến ăn mặc.

Chi tiết ba- Từ “Phật tử, ngã ư nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về xuất gia đạt được pháp, đều nói là trăm vạn, nghĩa là lúc ấy đã đạt được Địa thứ tư.

Tiết 2- Từ “Phật tử, ngã ư nhĩ thời mạng chung...” trở xuống là trình bày về chuyển sang đời khác được gặp Phật tu hành, tóm lược nêu ra tám vị Phật nối thông kết luận với một vạn vị Phật.

Trong tiết hai- Từ “Thứ phục hữu kiếp...” trở xuống là trình bày trong kiếp Nhật Quang, được gặp Phật tu hành, có ba: 1- Tổng quát nêu lên tất cả; 2- Từ “Tối sơ...” trở xuống là riêng biệt nêu ra mười vị Phật; 3- Từ “Ư bỉ kiếp...” trở xuống là tổng quát kết luận về đạt được pháp.

Tiết ba- Từ “Như ư thử kiếp...” trở xuống là tổng quát kết luận về thời gian-nơi chốn tu hành đạt được pháp.

Trong Kệ tụng, có ba mươi bốn kệ phân bốn tiết: Một- Có một kệ, tụng về nương theo uy lực nhận lời thuyết giảng; Hai- Có hai kệ, tụng về Cổ Phật xuất hiện ở thế gian; Ba- Có một kệ rưỡi, tụng về sự chuyển hóa cai trị của vị vua trước đây; Bốn- Hai mươi chín kệ rưỡi còn lại, tụng về nhân tu tập của Dạ thân.

Trong tiết bốn có bốn tiết: 1- Có chín kệ rưỡi, tụng về sự việc của mình lúc còn tại gia; 2- Có một kệ, tụng về xuất gia đạt được pháp; 3- Có hai kệ, tụng về một vạn vị Phật; 4- Từ “Thứ ư Phật sát...” trở xuống có mười bảy kệ, tụng phần tổng quát kết luận về thời gian-nơi chốn tu hành đạt được pháp.

Trong tiết 4 có ba tiết: a- Có một kệ, tóm lược nêu lên; b- Có ba kệ, tổng quát kết hợp với xưa và nay; c- Có mười ba kệ, trở lại tụng về đạt được pháp sâu rộng cuối cùng.

Mục bốn- Khiêm tốn về mình mở rộng Thắng tiến, vẫn có thể biết.

Mục năm- Chỉ ra vị Thiện hữu sau: Rừng Lam-tỳ-ni, Trung Hoa nói là Lạc Thắng Viên Quang, xưa có Thiên nữ giáng sinh ở nơi này, nhân đó lấy làm tên gọi, biểu thị cho ánh sáng Tổng trì của Địa thứ chín vốn soi chiếu tất cả.

Thiện hữu tên gọi Diệu Đức Viên Mãn, là bởi vì Thiện Tuệ không có thiếu sót. Nhưng khu vườn này ở phía Đông của kinh thành Ca-tỳ-la khoảng hai mươi dặm, là nơi Hoàng hậu Ma-da sinh hạ Thái tử Tất-đạt-

đa. Lại từ Địa thứ chín sẽ được tiếp nhận chức vị, vì thế cho nên nay thừa hỏi về sinh trong nhà Như Lai.

Mục sáu- Lưu luyện đức hạnh lễ chào từ già, vẫn có thể biết.
(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 74 trong kinh).

